



TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM, ĐẠI HỌC HUẾ  
UNIVERSITY OF AGRICULTURE AND FORESTRY, HUE UNIVERSITY

2018

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN ANNUAL REPORT



📍 102 Phùng Hưng, phường Thuận Thành, thành phố Huế

☎ +84 234 3522535

✉ [admin@huaf.edu.vn](mailto:admin@huaf.edu.vn)

🌐 <https://huaf.edu.vn>



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2018  
ANNUAL REPORT 2018**

**TRƯỞNG BAN**

NGƯT.PGS.TS. Lê Văn An

**PHÓ TRƯỞNG BAN**

NGƯT.PGS.TS. Phùng Thăng Long

**BAN BIÊN SOẠN**

PGS.TS. Trần Thanh Đức

PGS.TS. Lê Đình Phùng

TS. Phạm Hữu Ty

TS. Ngô Tùng Đức

TS. Nguyễn Tiến Long

ThS. Trần Văn Quý

ThS. Dương Văn Thành

CN. Nguyễn Thúc Phúc

ThS. Nguyễn Duy Ngọc Tân

Ông Lê Dũng

**BAN CỐ VẤN**

NGND.PGS.TS. Phan Hòa

NGND.GS.TS. Trần Văn Minh

NGƯT.GS.TS. Lê Đức Ngoan

**THIẾT KẾ, BIÊN DỊCH**

CN. Nguyễn Thị Xuân Phương

CN. Trần Thị Quỳnh Tiến

---

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM, ĐẠI HỌC HUẾ**  
**102 Phùng Hưng, phường Thuận Thành, thành phố Huế**  
**Điện thoại: +84 234.522535; Email: admin@huaf.edu.vn**  
**Website: <https://huaf.edu.vn>**

# **2018**

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

# **ANNUAL REPORT**

**CÁC THÔNG TIN, SỐ LIỆU TRONG BÁO CÁO NÀY ĐƯỢC TÍNH TỚI THỜI ĐIỂM THÁNG 4/2019**



# HUAF

|                                                                                         |              |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|--------------|
| <b>Thông điệp của Hiệu trưởng</b><br><b>The message of Rector</b>                       | <b>5-6</b>   |
| <b>Sơ lược lịch sử</b><br><b>Brief history</b>                                          | <b>7-8</b>   |
| <b>Tổng quan</b><br><b>Overview</b>                                                     | <b>9-16</b>  |
| <b>10 sự kiện tiêu biểu năm 2018</b><br><b>10 outstanding events in 2018</b>            | <b>17-36</b> |
| <b>Những con số ấn tượng</b><br><b>Impressive figures</b>                               | <b>37-38</b> |
| <b>Hình ảnh các hoạt động nổi bật</b><br><b>Photo of outstanding activities</b>         | <b>39-50</b> |
| <b>Thông tin về các Khoa, Viện</b><br><b>Information about the faculties, institute</b> | <b>51-73</b> |
| <b>Phụ lục</b><br><b>Appendices</b>                                                     | <b>74-93</b> |

## THÔNGIỆP CỦA HIỆU TRƯỞNG



Năm 2018 đã đi qua cùng với nhiều sự kiện nổi bật, tiếp tục đánh dấu những sự phát triển to lớn trên chặng đường hơn 50 năm hình thành và phát triển của trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế. Nhìn lại một năm qua, chúng ta vui mừng và tự hào về những thành quả nhà trường đã đạt được.

Thay mặt Đảng ủy, Ban giám hiệu nhà trường tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến các thế hệ cán bộ, giáo viên, học viên và sinh viên là những người trực tiếp làm nên những thành tích to lớn của nhà trường; Cảm ơn Đảng ủy, Ban giám đốc Đại học Huế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, các tỉnh, địa phương mà trực tiếp là tỉnh Thừa Thiên Huế, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và quốc tế đã luôn quan tâm, tạo điều kiện để nhà trường phát triển.

Bước vào năm 2019, một năm có ý nghĩa hết sức quan trọng để nhà trường phấn đấu, bứt phá thực hiện thắng lợi nghị quyết Đại hội Đảng Bộ của lần thứ X. Để đạt được các mục tiêu đó, nhà trường tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm sau đây:

1. Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các hoạt động đào tạo, đáp ứng nhu cầu của người học và nhu cầu phát triển của xã hội là điều kiện cơ bản, then chốt đảm bảo sự phát triển bền vững của Nhà trường.
2. Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ góp phần thúc đẩy sự phát triển của sản xuất, kinh tế - xã hội của các doanh nghiệp, địa phương. Đồng thời, khẳng định vị thế khoa học của Nhà trường trong hệ thống Đại học trong nước và quốc tế.
3. Hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh và tạo ra thêm nhiều dạng sản phẩm khoa học công nghệ có tính thị trường nhằm tăng nguồn thu cho Nhà trường.
4. Tiếp tục xây dựng các đề án, chuyên đề về tái cấu trúc cho việc đổi mới cơ cấu tổ chức và quản lý, theo hướng tinh gọn, hiệu quả.
5. Chuẩn bị tốt nhất cho công tác quy hoạch cán bộ, quy hoạch chuyên môn và đào tạo đội ngũ để thích ứng kịp thời với yêu cầu đổi mới đào tạo đại học hiện nay.
6. Xây dựng đề án tiến đến tự chủ vào năm 2020 nhằm chuẩn bị tích cực, chủ động để hội nhập và phát triển.
7. Từng bước quy hoạch, đầu tư hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để phục vụ tốt hơn cho công tác đào tạo, nghiên cứu và quản trị nhà trường.

Tôi tin rằng với sự nỗ lực, phấn đấu của toàn thể cán bộ, viên chức, lao động và người học nhà trường, chúng ta sẽ tiếp tục xây dựng hình ảnh trường Đại học Nông nghiệp 2 trước đây và nay là trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế ngày càng phát triển để không phụ sự mong muốn của các thế hệ thầy cô giáo đi trước, các bậc phụ huynh, các địa phương. Và Nhà trường sẽ luôn có những bước đi vững chắc trong tương lai.

**NGUYỄN PGS.TS. Lê Văn An**  
**Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng**

## THE MESSAGE OF RECTOR

In 2018, many outstanding events continued to mark the great development of the University of Agriculture and Forestry, Hue University on the journey of more than 50 years of formation and development. Looking back over the past year, we are very happy and proud of the university achievements.

On behalf of the Party Committee, and the Rector Board, we would like to express our sincere thanks to the generations of cadres, teachers, and students who directly have made great achievements of the university. On this occasion, we would like to express our gratitude to the Party Committee, the Board of Directors of Hue University, the Ministry of Education and Training, the provinces and localities, and directly the leaders of Thua Thien Hue province, businesses, many domestic and international organizations who have continuously paid high attention and created favorable conditions for the university to develop.

Entering 2019, it is a significant year for the university to strive for and successfully implement the Resolution of the 10th Party Congress. To achieve these goals, the university focuses on implementing the following key tasks:

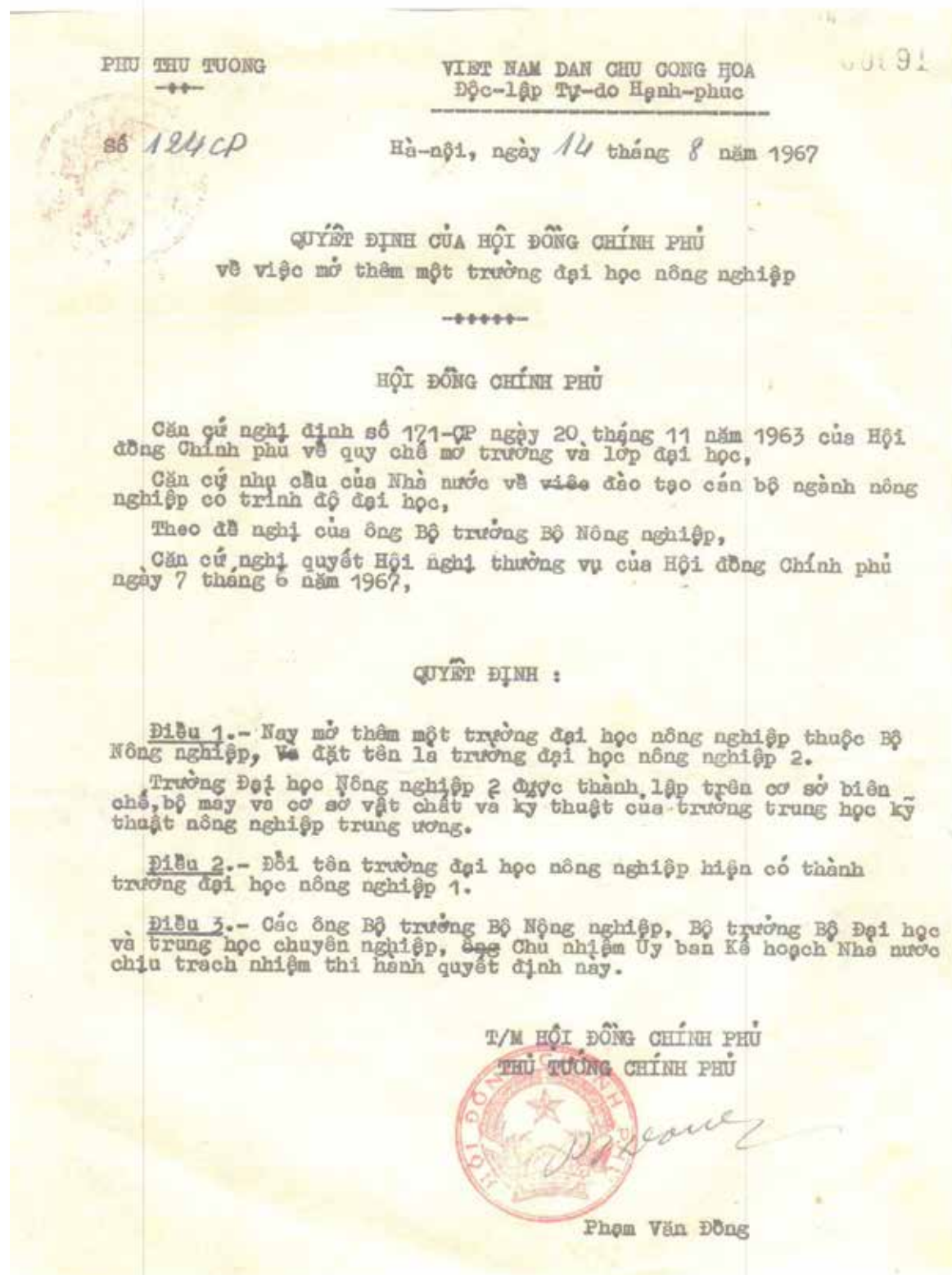
1. Improving quality and diversifying training activities to meet learners' needs and social development. It is a fundamental and important condition to ensure the sustainable development of the university.
2. Continue promoting scientific research and technology transferring activities that contribute to the agricultural production and socio-economic development of enterprises and localities. At the same time, affirming the scientific position of the University in the domestic and international University system.
3. Establishing strong research teams and creating more marketable science and technology products to increase the university's revenue.
4. Continue to restructuring and innovating the organizational structure and management towards streamlining and efficiency.
5. Preparing the best for staff planning, professional planning, and staff training to timely adapt to the requirements of current university training innovation.
6. Developing the autonomy university project toward 2020 to prepare actively and proactively for integration and development.
7. Organizing planning and investment to gradually improve the infrastructure system and promote the application of information technology to better serve the training, research, and university management.

We strongly believe that, with the strong efforts of all leaders, officials, lecturers, workers and students, we will continue to build the image of the former University of Agriculture Number 2 and now the University of Agriculture and Forestry, Hue University to be more and more developed so as not to lose the desires of previous generations of teachers, parents, and localities. The University of Agriculture and Forestry, Hue University will always have solid steps to develop in the future.



**Assoc.Prof. Dr. Le Van An**  
**Rector**

## QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP TRƯỜNG



2018

1994

1983

1967

## CÁC DẤU MỐC LỊCH SỬ

### Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Ngày 04 tháng 4 năm 1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 30/CP về việc thành lập Đại học Huế trên cơ sở các trường Đại học ở Huế, trường Đại học Nông nghiệp 2 Huế được đổi tên thành trường Đại học Nông Lâm và là một trong những trường đại học thành viên của Đại học Huế cho đến nay.

### Trường Đại học Nông nghiệp 2 Huế

Ngày 05 tháng 8 năm 1983, Hội đồng Bộ trưởng ra quyết định số 213/CP chuyển trường Trường Đại học Nông nghiệp 2 Hà Bắc vào thành phố Huế thuộc tỉnh Bình Trị Thiên và sáp nhập với Trường Cao đẳng Nông Lâm nghiệp Huế thành Trường Đại học Nông nghiệp 2 Huế.

### Trường Đại học Nông nghiệp 2 Hà Bắc

Trường Đại học Nông nghiệp 2 được thành lập vào ngày 14 tháng 8 năm 1967 theo quyết định 124/CP của Hội đồng Chính phủ trên cơ sở Trường Trung học Kỹ thuật Nông nghiệp Trung ương tại huyện Việt Yên, tỉnh Hà Bắc, nay là tỉnh Bắc Giang và trực thuộc Bộ Nông nghiệp.

## ❖ SỨ MẠNG

Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn cho miền Trung, Tây Nguyên và cả nước theo hướng hội nhập khu vực và quốc tế.

## ❖ TẦM NHÌN

Đến năm 2020, Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế là một trong những trường đại học hàng đầu về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.

## ❖ MỤC TIÊU GIÁO DỤC VÀ TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI

Mục tiêu giáo dục của trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế là đào tạo nguồn nhân lực khoa học kỹ thuật về lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn có kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp giỏi; có phẩm chất, đạo đức, sức khỏe tốt; yêu nghề, năng động, sáng tạo để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường lao động trong nước, chủ động hội nhập khu vực và quốc tế.

Xây dựng môi trường giáo dục chuyên nghiệp, dân chủ, công khai, minh bạch và thân thiện hướng tới người học, lấy đảm bảo chất lượng và trách nhiệm giải trình làm nền tảng phát triển, đào tạo phù hợp chuẩn đầu ra theo yêu cầu của xã hội.

Thực hiện phương châm kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học, lý thuyết gắn với thực hành: tạo điều kiện cho người học thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học nhằm phát triển kỹ năng nghề nghiệp, tư duy khoa học, năng lực sáng tạo, trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần vượt khó, ý thức lập thân, lập nghiệp và tinh thần sẵn sàng nhận nhiệm vụ.

Phát triển thể chất và tinh thần của người học: tạo điều kiện cho người học rèn luyện sức khỏe, văn hóa văn nghệ, sinh hoạt cộng đồng, phát triển kỹ năng sống.

Gắn kết với địa phương qua việc triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ góp phần phát triển kinh tế xã hội các tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên; hợp lực cùng hệ thống quản lý nhà nước các cấp, doanh nghiệp và cựu sinh viên xác định nhu cầu đào tạo, tìm môi trường thực tế nghề nghiệp và vị trí việc làm cho người học.

## ❖ MISSION

University of Agriculture and Forestry, Hue University (HUAUF) has the mission to train human resources in high quality of science and technology. In addition, it specializes in scientific research and the technology to transfer and meet the needs of agriculture and rural development for the central, highland regions and for whole country in accordance with regional and global integration.

## ❖ VISION

In 2020, HUAUF will be one of the leading universities in the field of agriculture and rural development.

## ❖ OBJECTIVES OF EDUCATION AND SOCIAL RESPONSIBILITY

Educational objectives of University of Agriculture and Forestry Hue University are to train human resources for science and technology in agriculture and rural areas. In addition, this will increase background knowledge and professional skills, good virtue and health. These programs will also appeal interest of working, dynamism and creativity to meet the increasing requirements of the labor market in the country, and actively integrating into regional and international areas.

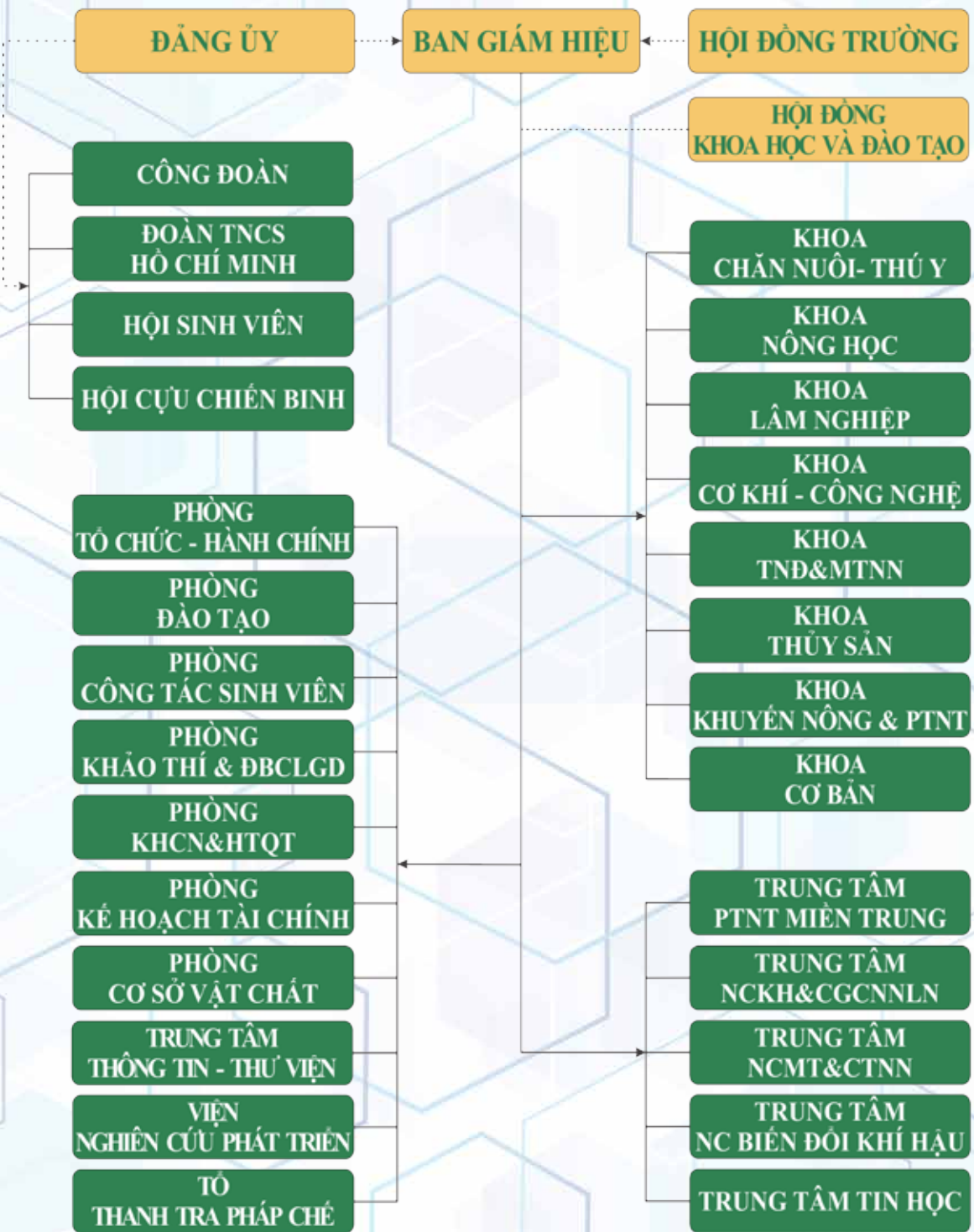
Build up a professional educational environment, democracy, publicity, transparency, and friendly towards learners. Furthermore, the quality of assurance and accountability are considered as the basis of development, and appropriate training to supply the standard outcome in accordance with social requirements.

Implement HUAUF's motto by combining training with scientific research, and theory associated with practice such as creating conditions for learners to practice, and doing scientific research in order to develop professional skills, critical thinking, creativeness, responsibility, and to make efforts in difficulties to complete tasks.

Develop physical and mental learners by creating favorable conditions for learners such as keep fit, taking part in activities of cultural arts, community, and developing skills in life.

Associate closely with local authorities by implementing the results of research, technology transfer to contribute to socio-economic development of Central and Highland provinces. Moreover, join forces with state management system at all levels, entrepreneurs and alumni are to identify training needs and to find professional and real environment for job placements for learners.

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG TỔ CHỨC



BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TRƯỜNG NHIỆM KỲ 2014 – 2019  
HUAF PARTY COMMITTEE IN THE PERIOD OF 2014 – 2019



1. BÍ THƯ ĐẢNG ỦY - SECRETARY  
LÊ VĂN AN



2. PHÓ BÍ THƯ  
DEPUTY SECRETARY  
ĐINH VƯƠNG HÙNG  
(Đến tháng 10/2018)



3. ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ  
MEMBER OF THE  
STANDING  
COMMITTEE  
LÊ TRỌNG THỰC



4. ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ  
MEMBER OF THE  
STANDING  
COMMITTEE  
PHÙNG THẮNG LONG



5. ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ  
MEMBER OF THE  
STANDING COMMITTEE  
TRẦN THANH ĐỨC  
(Từ tháng 9/2018)

| TT | HỌ VÀ TÊN            | CHỨC VỤ |
|----|----------------------|---------|
| 6  | Đ/c Nguyễn Xuân Bả   | Ủy viên |
| 7  | Đ/c Lê Văn Dân       | Ủy viên |
| 8  | Đ/c Đặng Thái Dương  | Ủy viên |
| 9  | Đ/c Ngô Tùng Đức     | Ủy viên |
| 10 | Đ/c Trần Đăng Hòa    | Ủy viên |
| 11 | Đ/c Nguyễn Hữu Ngừ   | Ủy viên |
| 12 | Đ/c Trần Văn Quý     | Ủy viên |
| 13 | Đ/c Dương Văn Thành  | Ủy viên |
| 14 | Đ/c Nguyễn Văn Toàn  | Ủy viên |
| 15 | Đ/c Nguyễn Viết Tuấn | Ủy viên |

**BAN GIÁM HIỆU NHIỆM KỲ 2014 – 2019**  
**BOARD OF RECTORS IN THE PERIOD OF 2014 – 2019**



**HIỆU TRƯỞNG - RECTOR**  
**NGUYỄN VĂN AN**



**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
**VICE RECTOR**  
**PGS.TS. LÊ ĐÌNH PHÙNG**  
*(Từ tháng 4/2018)*



**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
**VICE RECTOR**  
**PGS.TS. PHÙNG THẮNG LONG**



**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**  
**VICE RECTOR**  
**PGS.TS. TRẦN THANH ĐỨC**  
*(Từ tháng 4/2018)*

**HỘI ĐỒNG TRƯỜNG NHIỆM KỲ 2014 – 2019**  
**HUAF COUNCIL IN THE PERIOD OF 2014 – 2019**

| TT | HỌ VÀ TÊN             | ĐƠN VỊ                                | CHỨC VỤ                             |
|----|-----------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|
| 1  | Ông Ngô Tùng Đức      | Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế  | Quyền Chủ tịch<br>(Từ tháng 4/2019) |
| 2  | Ông Đinh Vương Hùng   | Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế  | Chủ tịch<br>(Đến tháng 10/2018)     |
| 3  | Ông Trần Thanh Đức    | Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế  | Thư ký<br>(Đến tháng 5/2018)        |
| 4  | Ông Lê Văn An         | Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế  | Ủy viên                             |
| 5  | Ông Nguyễn Xuân Bả    | Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế  | Ủy viên                             |
| 6  | Ông Huỳnh Văn Chương  | Đại học Huế                           | Ủy viên                             |
| 7  | Ông Lê Chí Hùng Cường | Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế  | Ủy viên                             |
| 8  | Ông Trần Đăng Hòa     | Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế  | Ủy viên                             |
| 9  | Ông Phùng Thăng Long  | Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế  | Ủy viên                             |
| 10 | Ông Hồ Sĩ Lượng       | Công ty GreenFeed, Việt Nam           | Ủy viên                             |
| 11 | Ông Lê Đình Phùng     | Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế  | Ủy viên                             |
| 12 | Ông Nguyễn Thái Sơn   | Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thừa Thiên Huế | Ủy viên                             |
| 13 | Ông Lê Trọng Thực     | Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế  | Ủy viên                             |
| 14 | Ông Nguyễn Văn Toàn   | Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế  | Ủy viên                             |
| 15 | Ông Hồ Vang           | Sở NN&PTNT tỉnh Thừa Thiên Huế        | Ủy viên                             |

**HỘI ĐỒNG KHOA HỌC VÀ ĐÀO TẠO NHIỆM KỲ 2014 – 2019**  
**COUNCIL OF EDUCATION AND RESEARCH IN THE PERIOD OF 2014-2019**

| TT | HỌ VÀ TÊN                | CHỨC VỤ                           |
|----|--------------------------|-----------------------------------|
| 1  | PGS.TS. Lê Văn An        | Chủ tịch hội đồng                 |
| 2  | PGS.TS. Trần Thanh Đức   | Phó chủ tịch hội đồng             |
| 3  | PGS.TS. Phùng Thăng Long | Phó chủ tịch hội đồng             |
| 4  | TS. Ngô Tùng Đức         | Ủy viên thư ký đào tạo            |
| 5  | TS. Phạm Hữu Ty          | Ủy viên thư ký khoa học công nghệ |
| 6  | PGS.TS. Nguyễn Xuân Bả   | Ủy viên                           |
| 7  | TS. Lê Thanh Bồn         | Ủy viên                           |
| 8  | PGS.TS. Lê Văn Dân       | Ủy viên                           |
| 9  | PGS.TS. Đặng Thái Dương  | Ủy viên                           |
| 10 | PGS.TS. Nguyễn Minh Hiếu | Ủy viên                           |
| 11 | GS.TS. Trần Đăng Hòa     | Ủy viên                           |
| 12 | TS. Đinh Vương Hùng      | Ủy viên                           |
| 13 | ThS. Trần Võ Văn May     | Ủy viên                           |
| 14 | PGS.TS. Nguyễn Hữu Ngừ   | Ủy viên                           |
| 15 | ThS. Nguyễn Đăng Nhật    | Ủy viên                           |
| 16 | PGS.TS. Lê Đình Phùng    | Ủy viên                           |
| 17 | PGS.TS. Phạm Hồng Sơn    | Ủy viên                           |
| 18 | PGS.TS. Nguyễn Văn Toàn  | Ủy viên                           |
| 19 | PGS.TS. Nguyễn Viết Tuấn | Ủy viên                           |

**CÁC PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ**  
**NOBLE REWARDS**

| TT | CÁC PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ                   | NĂM            |
|----|-------------------------------------------|----------------|
| 1  | Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng | 1972           |
| 2  | Huân chương Kháng chiến hạng Ba           | 1972           |
| 3  | Huân chương Kháng chiến hạng Ba           | 1973           |
| 4  | Huân chương Lao động hạng Ba              | 1973           |
| 5  | Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng | 1974           |
| 6  | Huân chương Lao động hạng Nhì             | 1977           |
| 7  | Cờ Luân lưu của Chính phủ 3 năm liền      | 1977,1978,1979 |
| 8  | Lăng hoa của Chủ tịch Nước                | 1980           |
| 9  | Huân chương Lao động hạng Nhất            | 1983           |
| 10 | Huân chương Lao động hạng Nhất            | 1987           |
| 11 | Huân chương Độc lập hạng Ba               | 1992           |
| 12 | Huân chương Độc lập hạng Nhì              | 1997           |
| 13 | Huân chương Độc lập hạng Nhất             | 2002           |
| 14 | Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ         | 2007           |
| 15 | Huân chương Độc lập hạng Nhất             | 2017           |

**DANH SÁCH NHÀ GIÁO NHÂN DÂN, NHÀ GIÁO ƯU TÚ**  
**LIST OF PEOPLE'S TEACHERS, MERITORIOUS TEACHERS**

| TT | HỌ VÀ TÊN                | DANH HIỆU         | NĂM PHONG |
|----|--------------------------|-------------------|-----------|
| 1  | PGS.TS. Phan Hòa         | Nhà giáo nhân dân | 2006      |
| 2  | GS.TSKH. Võ Hùng         | Nhà giáo nhân dân | 2008      |
| 3  | PGS.TS. Hoàng Đức Phương | Nhà giáo nhân dân | 2010      |
| 4  | GS.TS. Trần Văn Minh     | Nhà giáo nhân dân | 2014      |
| 5  | PGS.TS. Nguyễn Đức Hưng  | Nhà giáo nhân dân | 2017      |
| 6  | PGS.TS. Trần Đình Từ     | Nhà giáo ưu tú    | 1992      |
| 7  | TS. Nguyễn Thái Hồng     | Nhà giáo ưu tú    | 1994      |
| 8  | PGS.TS. Trần Xuân Lạc    | Nhà giáo ưu tú    | 1994      |
| 9  | KS. Nguyễn Ngọc Thâm     | Nhà giáo ưu tú    | 1994      |
| 10 | KS. Hoàng Văn Công       | Nhà giáo ưu tú    | 1997      |
| 11 | PGS.TS. Lê Khắc Huy      | Nhà giáo ưu tú    | 2000      |
| 12 | BSTY. Nguyễn Văn Duệ     | Nhà giáo ưu tú    | 2002      |
| 13 | KS. Đỗ Xuân Cẩm          | Nhà giáo ưu tú    | 2006      |
| 14 | PGS.TS. Nguyễn Minh Hiếu | Nhà giáo ưu tú    | 2006      |
| 15 | TS. Đinh Vương Hùng      | Nhà giáo ưu tú    | 2008      |
| 16 | GS.TS. Lê Đức Ngoan      | Nhà giáo ưu tú    | 2008      |
| 17 | PGS.TS. Hoàng Mạnh Quân  | Nhà giáo ưu tú    | 2008      |
| 18 | TS. Lê Thanh Bồn         | Nhà giáo ưu tú    | 2010      |
| 19 | PGS.TS. Phùng Thăng Long | Nhà giáo ưu tú    | 2014      |
| 20 | PGS.TS. Lê Văn An        | Nhà giáo ưu tú    | 2017      |
| 21 | TS. Trần Mạnh Đạt        | Nhà giáo ưu tú    | 2017      |
| 22 | PGS.TS. Lê Quang Vĩnh    | Nhà giáo ưu tú    | 2017      |

**BÀI HÁT TRUYỀN THỐNG**  
**TRADITIONAL SONG**  
**Dưới mái trường thân yêu**

Chậm vừa - tình cảm Nhạc và lời: VĂN KÝ

Trường của ta giữa cánh đồng Hà Bắc mênh mông gió sông  
Thương sông Cầu thổi lên trong lòng ta tiếng hát. Yêu đất  
nước yêu ruộng đồng ta mang trong lòng mơ ước xây dựng quê hương. Sinh viên  
ta ơi! Reo ca vang lên mà đi tới Dưới mái  
trường này trang sách rộng mở chân trời tương lai. Trên cánh  
đồng vui ta chăm luyện rèn đôi tay lao động Tập ước mầm xanh. Học gieo học  
cấy, học nuôi đàn lợn, học chăm đàn gà. Một khúc dân ca, tình thầy nghĩa  
bạn. Hôm nay quây quần ta cùng nhau ca múa rồi mai đây đi xa  
như đàn chim tung cánh. Đường dài không lùi bước, khắp mọi miền  
đất nước dù mai đây đi xa lòng ta vẫn nhớ. Nhớ mái trường này ta mến ta  
yêu nhớ mái trường này ta mến ta yêu



**1** PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO MỚI THEO NHU CẦU XÃ HỘI VÀ TIẾP TỤC NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

Mở thêm được 03 chương trình đào tạo bậc Đại học: Bất động sản; Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm; Sinh học ứng dụng và tiếp nhận thêm 01 chương trình: Kỹ thuật trắc địa – Bản đồ. Mở mới 01 chương trình đào tạo cao học chuyên ngành Lâm học bằng tiếng Anh. Bên cạnh đó, đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá 04 chương trình đào tạo gồm: Quản lý đất đai, Nuôi trồng thủy sản, Lâm nghiệp, Khoa học cây trồng.



DEVELOPING NEW TRAINING PROGRAMS TO MEET SOCIAL NEEDS AND IMPROVING THE TRAINING QUALITY CONTINUOUSLY

Opening 03 new undergraduate programs, including: Real estate; Food quality assurance and safety; and Applied biology, and receiving 01 undergraduate program on Geodetic Engineering and Mapping from Hue University of Science. Open 01 new master training program majoring in Forestry in English. In addition, the self-assessment report was completed for four undergraduate programs, including: Land Management, Aquaculture, Forestry, and Crop Sciences.



## 2 CƠ HỘI VIỆC LÀM SINH VIÊN

## A LOT OF JOB OPPORTUNITIES FOR STUDENTS

Trong suốt thời gian từ tháng 3 đến tháng 5/2018, nhiều hoạt động giới thiệu việc làm được thực hiện, cao điểm là ngày Hội việc làm lần thứ 5 của Nhà trường được tổ chức vào ngày 12/5/2018 với sự tham gia của hơn 40 tập đoàn, doanh nghiệp trong cả nước với tổng 2.050 chỉ tiêu tuyển dụng trên tất cả 30 ngành/chuyên ngành đang được đào tạo tại trường; trung bình mỗi sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp có đến 2 cơ hội việc làm. Kết quả khảo sát của phòng Công tác sinh viên, trong vòng một năm sau khi tốt nghiệp tỷ lệ sinh viên của Nhà trường có việc làm là 92%.

From March to May 2018, many job introduction activities were undertaken, especially at the time of the 5th Job Fair Day on May 12, 2018, more than 40 corporations and businesses throughout the country joined to recruit more than 2,050 staffs for all 30 disciplines/majors being trained at the university; Each graduate student received more than 2 job positions from companies. Survey results of the Student Affairs Department showed that after graduation the University's student rate having a job was 92% in 2018.



**3** HỢP TÁC DOANH NGHIỆP TRONG ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ

Các hoạt động nổi bật: Tăng cường gắn kết giữa Nhà trường và xã hội như hợp tác đào tạo với công ty cổ phần Greenfeed, Tập đoàn Minh Phú, Tập đoàn BIM; Ngày hội định hướng nghề nghiệp ở các khoa Khoa Cơ khí – Công nghệ, Khoa Chăn nuôi – Thú y, Khoa Thủy sản; Doanh nghiệp tham gia đánh giá chất lượng đào tạo (hội đồng bảo vệ khóa luận ngành Công nghệ thực phẩm, Công nghệ sau thu hoạch...) để tuyển dụng; Ký kết hợp tác thêm nhiều công ty, doanh nghiệp để mở rộng học kỳ doanh nghiệp.



COOPERATING WITH COMPANIES IN TRAINING, SCIENTIFIC RESEARCH AND TECHNOLOGY TRANSFER

Outstanding activities: Strengthened the connection between the university and society for training with Joint Stock Company Greenfeed, Minh Phu Group, BIM Group; Career-oriented festival at faculties, such as Faculty of Mechanical Engineering - Technology, Faculty of Animal Sciences and Veterinary Medicine, Faculty of Aquaculture; many companies participated in the defense committee to evaluate the graduation thesis of students in Food Technology, Post-harvest Technology to recruit potential candidates; Signed many partnership agreements with companies to expand the academic semester of students at their companies.



#### 4 ĐỔI MỚI SÁNG TẠO KHOA HỌC VÀ KHỞI NGHIỆP

#### RESEARCH INNOVATION AND STARTUP

Cuộc thi “Ý tưởng sáng tạo khoa học và khởi nghiệp nông nghiệp sinh viên 2018” đã thu hút 88 ý tưởng với hơn 300 sinh viên tham gia tăng gấp 5 lần năm 2017 và đã tạo nên hiệu ứng lớn trong sinh viên toàn trường về kiến thức, kỹ năng và thái độ đổi mới sáng tạo khoa học và khởi nghiệp. Ý tưởng “Sản xuất chế phẩm xạ khuẩn” (Khoa Thủy Sản) đã xuất sắc giành giải nhất. Có 5 doanh nghiệp cam kết tài trợ kinh phí thực hiện các ý tưởng đạt giải khác. Dự án “Leafpic – Phần mềm xác định thiếu thừa đạm trên cây trồng trên smartphone” (Khoa Nông học) tham dự và đã đạt giải Nhì cuộc thi khởi nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế và giải khuyến khích cuộc thi khởi nghiệp toàn quốc năm 2018.

The contest called "The Science Innovation and Agricultural Start-up Ideas of students in 2018" attracted 88 ideas with more than 300 students participating in, the 5-fold increase compared with that of 2017 and created a big influence to students' knowledge, skills, and attitudes related to scientific innovation and entrepreneurship. The idea of "Production of actinomycetes product", from Faculty of Aquaculture, won the first prize. Five enterprises committed to funding many winning ideas start-up projects to implement. The Project "Leafpic - Software to identify the excess nitrogen of crops on smart phone ", from Faculty of Agronomy, won the second prize in the Thua Thien Hue start-up competition and the encouragement prize for the National Startup Contest in 2018.



## 5 THƯƠNG MẠI HÓA CÁC SẢN PHẨM MANG THƯƠNG HIỆU HUAF VÀ CHUYỂN GIAO CÁC TIẾN BỘ KHOA HỌC KỸ THUẬT CÓ NHỮNG KẾT QUẢ TÍCH CỰC

Các dự án sản xuất thử nghiệm cấp trường và các đề tài khoa học các cấp, dự án quốc tế đã tạo ra các sản phẩm thương mại có uy tín trên thị trường như: Trà hoa sen Huế; Măng muối chua; Nấm ăn và nấm dược liệu; Cá giống (cá diêu, cá ong bầu, cá rô đầu vuông); Giống hoa chuông; Tinh bột nghệ; Sữa gạo. Nhiều quy trình công nghệ được chuyển giao điển hình như: 05 quy trình chăn nuôi bò cho tỉnh Quảng Ngãi, Quảng Trị; 07 quy trình sản xuất giống lúa, ớt và bảo quản chế biến đạt tiêu chuẩn VietGAP; Chuyển giao công nghệ và thiết bị lò đốt sản xuất than sinh học; Công nghệ để bảo quản dược liệu, chế biến trà túi lọc (Dây thìa canh, Cà gai leo) và tiêu thụ theo chuỗi giá trị.

## POSITIVE RESULTS FROM COMMERCIALIZING HUAF-BRANDED RESEARCH PRODUCTS AND TRANSFERRING SCIENTIFIC AND ADVANCED TECHNOLOGIES

Experimental production projects at the university level, scientific projects at all levels, and international projects created many prestigious commercial products in the market, such as: Hue lotus tea, Fermented bamboo shoots; Edible mushrooms and medicinal mushrooms; Breeding fish (Rabbit fish, Rhynchopelates oxyrhynchus, Square head perch); Bell flower varieties; Turmeric starch; Rice milk. Many technologies were transferred such as: 05 cow breeding technological processes for Quang Ngai and Quang Tri province; 07 technological processes of producing, preserving, and processing rice and chili seeds according to VietGAP standards; transferring biochar production technology and equipment; Technology for preserving medicinal herbs, filter tea bags (Gymnema sylvestre, Solanum procumbens).



## 6 TĂNG CƯỜNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ XUẤT BẢN QUỐC TẾ

## STRENGTHENING SCIENTIFIC RESEARCH AND INTERNATIONAL PUBLICATION

Số lượng xuất bản trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI, Scopus tăng đạt số lượng trên 45 bài. Nhiều nhóm nghiên cứu được hình thành có gắn kết giữa các đơn vị trong trường, ngoài trường và quốc tế. Nhiều nhóm nghiên cứu, cán bộ, giảng viên nhà trường tham gia Giải thưởng Sáng tạo Khoa công nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế lần thứ IX, năm 2018 và đã đạt được thành tích rất nổi bật: 03 giải nhất, 02 giải nhì, 03 giải ba, và 03 giải khuyến khích; 01 giảng viên đạt giải thưởng Kovalevskaja dành cho các nhà khoa học nữ xuất sắc (08/3/2018).

Publications in international journals listed on the ISI and Scopus indices, increased by over 45 articles. Many research groups were formed in the manner of interdisciplinary and multi-disciplinary approaches linking with other units inside the university and international partners. Many research groups participated in the 9th Science Innovation Award of Thua Thien Hue Department of Science and Technology in 2018 and achieved many outstanding awards, including: 03 first prizes, 02 second prizes, 03 third prizes, and 03 consolation prizes; 01 Kovalevskaja award for excellent female scientists (08/3/2018).



**7** HỢP TÁC QUỐC TẾ PHÁT TRIỂN MẠNH TRÊN TẤT CẢ CÁC LĨNH VỰC VÀ TIẾP TỤC CÓ ĐÓNG GÓP LỚN CHO ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CHẤT LƯỢNG CAO

Hoạt động hợp tác quốc tế nổi bật được tổ chức tại trường như: Kỷ niệm 12 năm hợp tác và 10 năm mở văn phòng Đại học Kyoto, Nhật Bản tại Huế; Các hội thảo quốc tế như: “Hợp tác nghiên cứu và mạng lưới hoạt động về sự ổn định và phát triển lúa nếp trong Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng (GMS) lần thứ 5”, “Thúc đẩy sử dụng vắc xin trong nuôi trồng thủy sản”, “Vi khuẩn Streptococcus nhóm B trong thủy sản và trên người”. Tổ chức cho 115 sinh viên đi thực tập nghề nghiệp tại Nhật Bản, Đan Mạch, Israel; và hàng trăm sinh viên đi thực tập tại nhiều công ty, doanh nghiệp trong nước. Các hoạt động HTQT này đã khẳng định vị thế của nhà trường trên trường quốc tế.



INTERNATIONAL COOPERATION CONTINUED TO GROW STRONGLY IN ALL AREAS AND MADE A SIGNIFICANT CONTRIBUTION TO TRAINING, SCIENTIFIC RESEARCH, AND BUILDING HIGH QUALITY HUMAN RESOURCES

Many outstanding international cooperation activities were organized at the university, such as: the 12th anniversary of cooperation and 10 years of opening a Kyoto University office in Hue; International conferences such as: "Cooperation in research and operation network on the stability and development of sticky rice in the GMS for the fifth time", "Promoting the use of vaccines in aquaculture ", " Group B Streptococcus bacteria in fisheries and on humans ". Organized 115 students to do internship in Japan, Denmark, Israel; and hundreds of students went to practice in many companies and domestic enterprises. These international cooperation activities affirmed the position of the university in the international arena.





## 9 PHÒNG THÍ NGHIỆM, CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU, CHUYỂN GIAO KHOA HỌC KỸ THUẬT TIẾP TỤC NÂNG CẤP, HOÀN THIỆN

## UPGRADING AND IMPROVING LABORATORIES, EQUIPMENT FOR TRAINING, SCIENTIFIC RESEARCH, AND TECHNOLOGY TRANSFER CONTINUOUSLY

Cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao khoa học kỹ thuật được đầu tư, đặc biệt tại các cơ sở thuộc Viện Nghiên cứu phát triển, như: nhà màng trồng rau công nghệ cao với diện tích hơn 1000m<sup>2</sup> và hệ thống cấp nước tại Trung tâm nghiên cứu thực hành giống cây trồng Tứ Hạ. Với kinh phí từ nguồn xã hội hóa, khoa Chăn nuôi – Thú y cũng đã xây dựng và hoàn thiện khu chăn nuôi công nghệ cao tại trại thực hành, thí nghiệm Thủy An. Nhờ đó đã có hơn 2000 lượt sinh viên đến học tập, nghiên cứu, có 8 nhóm giáo viên đến triển khai các nghiên cứu tại Viện và tạo ra các sản phẩm mang thương hiệu HUAF. Cùng với đó, nhà khách chuyên gia và giảng đường E đã được đưa vào sử dụng, cảnh quan trường ngày càng xanh sạch đẹp.

The facilities for training, doing research and transferring technology have been invested considerably, especially facilities for the the development study institute, such as: planting high-tech vegetables in a membrane house with an area of over 1000m<sup>2</sup>, a water supply system at the Tu Ha Plant Breeding Research Center was built and upgraded. Faculty of Animal Husbandry and Veterinary Medicine also built and upgraded the high-tech breeding area at the Thuy An practical and experimental farm with a socialized funding, so that more than 2000 rounds of student came to study and do scientific researches, and 8 groups of lecturers also implemented research projects. Moreover, the university guest house and the lecture hall E were put into use; the landscape of the university was increasingly clean and beautiful.



**10** TÁI CẤU TRÚC BỘ MÁY QUẢN LÝ, ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN NGUỒN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO VÀ HOÀN THIỆN ĐỀ ÁN VỊ TRÍ VIỆC LÀM CÓ HIỆU QUẢ

**RESTRUCTURING THE MANAGEMENT SYSTEM, PROMOTING THE DEVELOPMENT OF HIGH QUALITY HUMAN RESOURCES, AND COMPLETING THE JOB PLACEMENT PLAN IN EFFICIENCY WAYS**

Nhà trường đã sáp nhập Phòng Đào tạo đại học và Phòng Đào tạo sau đại học thành Phòng Đào tạo. Sáp nhập một số đơn vị trực thuộc các Khoa, thành lập Trung tâm Khởi nghiệp và phát triển hợp tác, Trung tâm tin học theo cơ chế tự chủ. Năm 2018 đã có thêm 09 giảng viên được cấp bằng tiến sĩ, 03 chuyên viên chính. Hoàn thành việc xây dựng đề án vị trí việc làm giai đoạn 2019-2021 theo hướng tinh gọn, hiệu quả hướng đến tự chủ.

The university merged the undergraduate Training Department and the Graduate Training Department into the Training Department, merged a number of units under the Faculties, and established the Center for Agricultural Start-up and Development Cooperation, and the Informatics Center under the autonomy mechanism. In 2018, 09 lecturers were granted doctoral degrees and 03 senior staffs was appointed; completed the job placement project for the period of 2019-2021 in a streamlined and effective way towards autonomy.

## NHỮNG CON SỐ ẤN TƯỢNG

- ❖ **7939** Người học đang được đào tạo tại trường
- ❖ **03** Giáo sư **42** Phó giáo sư
- ❖ **25** Chương trình đào tạo bậc Đại học
- ❖ **10** Chương trình đào tạo bậc Thạc sĩ
- ❖ **08** Chương trình đào tạo bậc Tiến sĩ
- ❖ **1018** Suất học bổng được trao, với tổng giá trị gần **06** tỷ đồng
- ❖ **191** Đề tài, dự án đang thực hiện
- ❖ **204** Bài báo đăng trên tạp chí trong nước
- ❖ **79** Bài báo đăng trên tạp chí và hội nghị quốc tế
- ❖ **23** Sách, giáo trình được xuất bản

## IMPRESSIVE FIGURES

- ❖ **7939** Students of all degrees
- ❖ **03** Professors **42** Associate Professors
- ❖ **25** Undergraduate training programs
- ❖ **10** Master training programs
- ❖ **08** Doctoral training programs
- ❖ **1018** Scholarships for students with nearly **06** billion VND
- ❖ **191** Research projects have been implementing
- ❖ **204** Articles published in Vietnamese journals
- ❖ **79** Articles published in international journals
- ❖ **23** Books, textbooks were published



Khai giảng năm học 2018-2019



Trao bằng Tiến sĩ



Thực hành tại trang trại trồng rau thủy canh công nghệ cao



Học tập tại giảng đường



Giải thưởng Sáng tạo KHCN tỉnh Thừa Thiên Huế lần thứ IX - năm 2018



Hội thảo “Chia sẻ về cơ chế khuyến khích nghiên cứu khoa học trong các trường đại học”



Cuộc thi ý tưởng sáng tạo KH&KNN sinh viên năm 2018



Sản phẩm trà Hoa Sen tại các Hội thảo quốc tế và trong nước về trà



Hội thảo quốc tế “Giáo dục và nghiên cứu môi trường toàn cầu tại châu Á”



Bà Deborah, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Canada tại Việt Nam thăm và làm việc với trường



Hội thảo “Tăng cường sử dụng vaccine trong nuôi trồng thủy sản”



Đại sứ quán và Cơ quan Trao đổi Hàn lâm Đức thăm và làm việc với nhà trường



Kỷ niệm 12 năm hợp tác và 10 năm mở Văn phòng đại học Kyoto tại Huế



Hội thảo “Hợp tác nghiên cứu và mạng lưới hoạt động về sự ổn định và phát triển lúa nếp trong Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng” lần thứ 5



Giải bóng đá Cán bộ, viên chức và lao động tháng 3 - 2019



Hội nghị sơ kết phong trào "Giỏi việc nước - Đam việc nhà"



Tặng hoa NGND và NGUT nhân ngày Nhà giáo Việt Nam 20.11



Đại hội Hội cựu giáo chức nhiệm kỳ 2018 - 2023



Sinh viên quốc tế thực hành tại vườn ươm



Sinh viên khoa Nông học tham gia học kỳ doanh nghiệp tại Bà Nà Hills



Chung kết cuộc thi lập trình ROBOT SUMO



Thực hành tại phòng máy



Sinh viên khoa Cơ khí - Công nghệ tham gia học kỳ doanh nghiệp tại công ty Carlsberg



Thực hành tại phòng thí nghiệm



Thực tập sinh tại Nhật Bản



Sinh viên khoa Chăn nuôi - Thú y tham gia học kỳ doanh nghiệp tại trang trại Phú Hưng - Bình Định



Ngày hội Tân sinh viên



Chiến dịch Tình nguyện hè 2018



Xe đưa sinh viên về quê dịp Tết nguyên đán



Nhóm "Chế phẩm xa khuẩn" - Khoa Thủy sản đạt giải nhất cuộc thi Ý tưởng sáng tạo KH&KNNN sinh viên năm 2018



Hội thi văn nghệ chào mừng 20.11

## KHOA CHĂN NUÔI - THÚ Y

### Địa chỉ liên lạc

102 đường Phùng Hưng, thành phố Huế  
Điện thoại: 0234.3525439; Fax: 0234.3524 923  
Email: cnty@huaf.edu.vn

### Ban chủ nhiệm Khoa

Trưởng Khoa: PGS.TS. Nguyễn Xuân Bả  
Phó Trưởng Khoa: PGS.TS. Nguyễn Hữu Văn TS. Trần Quang Vui

### Đội ngũ cán bộ, viên chức và lao động

Tổng số cán bộ, viên chức và lao động: 55 người, trong đó:  
GS.TS: 02 PGS.TS: 16 Tiến sĩ: 26 Thạc sĩ: 16 Đại học: 11 Khác: 02

### Bộ môn/đơn vị trực thuộc khoa:

| TT | BỘ MÔN                         | TRƯỞNG BỘ MÔN/ĐƠN VỊ      |
|----|--------------------------------|---------------------------|
| 1  | Sinh lý - Giải phẫu            | PGS.TS. Trần Thị Thu Hồng |
| 2  | Dinh dưỡng - Hóa sinh động vật | TS. Đinh Văn Dũng         |
| 3  | Di truyền - Giống gia súc      | PGS.TS. Lê Đình Phùng     |
| 4  | Chăn nuôi Chuyên khoa          | PGS.TS. Nguyễn Xuân Bả    |
| 5  | Ký sinh truyền nhiễm           | PGS.TS. Nguyễn Xuân Hoà   |
| 6  | Thú y học lâm sàng             | TS. Phan Vũ Hải           |

### Hoạt động đào tạo

*Đại học:* Chăn nuôi (song ngành Chăn nuôi - Thú y); Thú y

*Thạc sĩ:* Chăn nuôi; Thú y

*Tiến sĩ:* Chăn nuôi (bằng tiếng Việt và tiếng Anh); Thú y

### Hoạt động nghiên cứu khoa học

Khoa CNTY đã thực hiện hàng trăm đề tài NCKH và chuyển giao công nghệ liên quan đến các lĩnh vực giống và di truyền, dinh dưỡng và thức ăn, kỹ thuật và hệ thống chăn nuôi, phòng và trị bệnh cho gia súc gia cầm góp phần thúc đẩy sự phát triển ngành chăn nuôi ở khu vực miền Trung cũng như cả nước.

### Hợp tác quốc tế

Khoa CNTY có thể mạnh về hoạt động hợp tác quốc tế ở trường Đại học Nông Lâm. Những năm gần đây, khoa đã có nhiều chương trình hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và trao đổi sinh viên với các trường đại học ở Nhật Bản, Úc, Hà Lan, Thụy Điển, Cộng hòa Séc, Bỉ, Thái Lan, Lào, Cam-pu-chia... và các tổ chức quốc tế như ACIAR (Úc), SIDA (Thụy Điển).

## FACULTY OF ANIMAL SCIENCES AND VETERINARY MEDICINE

### Address

102 Phung Hung street, Hue city  
Phone: 0234.3525439; Fax: 0234.3524 923  
Email: cnty@huaf.edu.vn

### Board of Deans

Dean: Assoc.Prof.Dr. Nguyen Xuan Ba  
Vice-Deans: Assoc.Prof.Dr. Nguyen Huu Van Dr. Tran Quang Vui

### Human Resource/Staff

Total of lecturers and staff: 55 people, including:  
Prof. Dr: 02 Assoc. Prof. Dr: 16 Doctor: 26 Master: 16 Engineer: 11 Other: 02

### Organizational structure

| NO. | DIVISION                           | HEAD OF DIVISION                 |
|-----|------------------------------------|----------------------------------|
| 1   | Animal Anatomy & Physiology        | Assoc.Prof.Dr. Tran Thi Thu Hong |
| 2   | Animal Nutrition & Biochemistry    | Dr. Dinh Van Dung                |
| 3   | Animal Genetics & Breeding         | Assoc.Prof.Dr. Le Dinh Phung     |
| 4   | Animal Husbandry                   | Assoc.Prof.Dr. Nguyen Xuan Ba    |
| 5   | Parasitology & Infectious Diseases | Assoc.Prof.Dr. Nguyen Xuan Hoa   |
| 6   | Veterinary Clinology               | Dr. Phan Vu Hai                  |

### Training programs

*Undergraduate degree:* Animal sciences; Veterinary medicine

*Master degree:* Animal sciences; Veterinary medicine

*Doctoral degree:* Animal sciences (in both English and Vietnamese); Veterinary medicine

### Scientific research activities

The Faculty has conducted hundreds of scientific projects and technical transfer activities related to animal genetics & breeding, nutrition & feeding, technical & animal production systems, and veterinary medicine in order to enhance animal production sector in central regions as well as whole country.

### International co-operation

The Faculty is considered as one of the strongest faculties of HUAF in international cooperation. Recent years, the Faculty has had a series of projects in training, research and student exchanges with universities from Japan, Australia, the Netherlands, Sweden, Czech Republic, Thailand, Laos, Cambodia, ... and international organizations such as ACIAR (Australia), SIDA (Sweden).

## KHOA NÔNG HỌC

### Địa chỉ liên lạc

102 đường Phùng Hưng, thành phố Huế  
Điện thoại: 0234. 3525544; Fax: 0234. 3524923  
Email: [nonghoc@huaf.edu.vn](mailto:nonghoc@huaf.edu.vn)

### Ban chủ nhiệm Khoa

Trưởng Khoa: GS.TS. Trần Đăng Hòa  
Phó Trưởng Khoa: PGS.TS. Trần Thị Thu Hà PGS. TS. Lê Như Cương

### Đội ngũ cán bộ, viên chức và lao động

Tổng số cán bộ, viên chức và lao động: 52 người, trong đó:  
GS.TS: 01 PGS.TS: 09 Tiến sĩ: 25 Thạc sĩ: 24 Đại học: 03

### Bộ môn/đơn vị trực thuộc khoa

| TT | BỘ MÔN                               | TRƯỞNG BỘ MÔN/ĐƠN VỊ        |
|----|--------------------------------------|-----------------------------|
| 1  | Bảo vệ thực vật                      | PGS.TS. Nguyễn Vĩnh Trường  |
| 2  | Cây trồng                            | TS. Trịnh Thị Sen           |
| 3  | Giống cây trồng - Công nghệ sinh học | PGS.TS. Phan Thị Phương Nhi |
| 4  | Nông hóa Thổ nhưỡng                  | PGS.TS. Hoàng Thị Thái Hoà  |
| 5  | Rau - Hoa quả và Cảnh quan           | ThS. Đỗ Đình Thực           |
| 6  | Sinh lý - Sinh hóa thực vật          | PGS.TS. Nguyễn Đình Thi     |

### Hoạt động đào tạo

*Đại học:* Khoa học cây trồng; Bảo vệ thực vật; Nông học; Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan; Khoa học đất

*Thạc sĩ:* Khoa học cây trồng; Bảo vệ thực vật

*Tiến sĩ:* Khoa học cây trồng

### Hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

Khoa Nông học đã thực hiện 300 đề tài nghiên cứu khoa học và chương trình chuyển giao công nghệ về khoa học cây trồng, bảo vệ thực vật, nghiên cứu sản xuất các tác nhân sinh học, chế phẩm vi sinh vật, côn trùng ký sinh, bắt mồi và thuốc thảo mộc phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng; nghiên cứu sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh.

### Hợp tác quốc tế

Khoa có chương trình hợp tác về đào tạo và nghiên cứu khoa học với các trường đại học và viện nghiên cứu quốc tế như: Nhật Bản, Úc, USA, Đức, Pháp, Bỉ, Hà Lan, Philippines, Lào và Thái Lan...

## FACULTY OF AGRONOMY

### Address

102 Phung Hung street, Hue city  
Phone: 0234. 3525544; Fax: 0234. 3524923  
Email: [nonghoc@huaf.edu.vn](mailto:nonghoc@huaf.edu.vn)

### Board of Deans

Dean: Prof.Dr. Tran Dang Hoa  
Vice-Deans: Assoc.Prof.Dr. Tran Thi Thu Ha Assoc.Prof.Dr. Le Nhu Cuong

### Human Resource/ Staff

Total of lecturers and staff: 52 people, including:  
Prof. Dr: 01 Assoc. Prof. Dr:09 Doctor: 25 Master: 24 Engineer: 03

### Organizational structure

| NO. | DIVISION                        | HEAD OF DIVISION                   |
|-----|---------------------------------|------------------------------------|
| 1   | Plant protection                | Assoc.Prof.Dr. Nguyen Vinh Truong  |
| 2   | Crop science                    | Dr. Trinh Thi Sen                  |
| 3   | Genetics - Biotechnology        | Assoc.Prof.Dr. Phan Thi Phuong Nhi |
| 4   | Soil Science                    | Assoc.Prof.Dr. Hoang Thi Thai Hoa  |
| 5   | Horticulture                    | M.Sc. Do Dinh Thuc                 |
| 6   | Plant Physiology & Biochemistry | Assoc.Prof.Dr. Nguyen Dinh Thi     |

### Training programs

*Undergraduate degree:* Crop science, Plant protection, Agronomy; Horticulture; Soil science

*Master degree:* Crop science; Plant protection

*Doctoral degree:* Crop science

### Scientific research activities & technical transfers

The Faculty has implemented a series of 300 reserach projects and technical transfer programs in terms of crop science, plant protection, gearing natural enemies, tissue culture of orchids and ornamental plants in central parts and highlands of Vietnam.

### International co-operation

The Faculty have programs of cooperation in training and doing research with many universities and research institutes in Japan, Australia, USA, Germany, France, Belgium, the Netherlands, the Philippines, Laos, Thailand...

## KHOA CƠ KHÍ - CÔNG NGHỆ

### Địa chỉ liên lạc

102 đường Phùng Hưng, thành phố Huế  
Điện thoại: 0234.3514294; Fax: 0234.3525049;  
Email: cken@huaf.edu.vn

### Ban chủ nhiệm Khoa

Trưởng Khoa: PGS.TS. Nguyễn Văn Toàn  
Phó Trưởng Khoa: TS. Phạm Việt Hùng TS. Nguyễn Văn Huế

### Đội ngũ cán bộ, viên chức và lao động

Tổng số cán bộ, viên chức và lao động: 50 người, trong đó:  
PGS.TS: 03 Tiến sĩ: 14 Thạc sĩ: 30 Đại học: 06

### Bộ môn/đơn vị trực thuộc khoa:

| TT | BỘ MÔN                            | TRƯỞNG BỘ MÔN/ĐƠN VỊ      |
|----|-----------------------------------|---------------------------|
| 1  | Công nghệ sau thu hoạch           | TS. Nguyễn Đức Chung      |
| 2  | Công nghệ thực phẩm               | ThS. Lê Thanh Long        |
| 3  | Kỹ thuật cơ khí                   | TS. Đỗ Minh Cường         |
| 4  | Kỹ thuật công trình               | TS. Nguyễn Quang Lịch     |
| 5  | Kỹ thuật điều khiển - Tự động hoá | TS. Khương Anh Sơn        |
| 6  | Quản lý chất lượng thực phẩm      | PGS.TS. Nguyễn Hiền Trang |

### Hoạt động đào tạo

*Đại học:* Công nghệ kỹ thuật cơ khí; Kỹ thuật cơ - điện tử; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sau thu hoạch; Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm, Công thôn.

*Thạc sĩ:* Công nghệ thực phẩm; Kỹ thuật cơ khí

### Hoạt động nghiên cứu khoa học

Thực hiện các đề tài cấp Bộ, cấp Đại học Huế, cấp Trường, sinh viên, đề tài/dự án liên kết và chuyển giao KHKT với các tỉnh... với hơn 20 công trình đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế ISI... trên 100 công trình đăng trên các tạp chí uy tín của Việt Nam và giành nhiều giải thưởng cao quý như giải VIFOTEC, cấp Tỉnh... Các đề tài tập trung vào 02 lĩnh vực là lĩnh vực cơ khí, cơ điện tử, xây dựng công trình và lĩnh vực công nghệ sau thu hoạch, công nghệ và an toàn thực phẩm

### Hoạt động hợp tác quốc tế

Tiếp tục có những hợp tác hiệu quả với nhiều nước như Nhật Bản, Thái Lan, Đài Loan, Pháp, Úc... qua trao đổi sinh viên, dự án VLIR – Network với Bỉ, dự án NutriSEA (Erasmus+ Key Action 2)....

## FACULTY OF ENGINEERING - FOOD TECHNOLOGY

### Address

102 Phung Hung street, Hue city  
Phone: 0234.3514294; Fax: 0234.3525049;  
Email: cken@huaf.edu.vn

### Board of Deans

Dean Assoc.Prof.Dr. Nguyen Van Toan  
Vice-Deans: Dr. Pham Viet Hung Dr. Nguyen Van Hue

### Human resource/Staff

Total of lecturers and staff: 50 people, including:  
Assoc. Prof. Dr: 03 Doctor: 14 Master: 30 Engineer: 06

### Organizational structure

| NO. | DIVISION                            | HEAD OF DIVISION                 |
|-----|-------------------------------------|----------------------------------|
| 1   | Post-harvesting                     | Dr. Nguyen Duc Chung             |
| 2   | Food technology                     | M.Sc. Le Thanh Long              |
| 3   | Mechanical engineering technology   | Dr. Do Minh Cuong                |
| 4   | Infrastructural engineering         | Dr. Nguyen Quang Lich            |
| 5   | Controlling techniques - Automation | Dr. Khuong Anh Son               |
| 6   | Food quality management             | Assoc.Prof.Dr. Nguyen Hien Trang |

### Training programs

*Undergraduate degree:* Mechanical engineering; Mechatronics engineering; Infrastructural engineering; Food technology; Post-harvested technology; Food quality assurance and safety; Rural works.

*Master degree:* Food technology; Mechanical engineering

### Scientific research activities

The Faculty has carried out research topics at various levels such as the ministerial level, Hue University level, the university level and so on. Furthermore, the Faculty has implemented projects which have been transferred for some provinces in Vietnam. In addition, over 100 publications of the faculty members were published in prestigious magazines of Vietnam and won many noble prizes by VIFOTEC, provinces, and so on. Research topics mainly focused on 02 fields such as mechanical engineering, mechatronics engineering, post-harvested technology, technology and food safety.

### International co-operation

The Faculty keeps building effective co-operation programs with many countries such as Japan, Thailand, Taiwan, France, Australia ... through staff and student exchange programs, VLIR - Network project with Belgium, NutriSEA project (Erasmus + Key Action 2). ...

## KHOA LÂM NGHIỆP

### Địa chỉ liên lạc

102 đường Phùng Hưng, thành phố Huế  
Điện thoại: 0234.3529137; Fax: 0234.3538454  
Email: khoa\_lamnghiep@huaf.edu.vn

### Ban chủ nhiệm Khoa

Trưởng Khoa: PGS.TS. Đặng Thái Dương  
Phó Trưởng Khoa: PGS.TS. Trần Nam Thắng TS. Hoàng Huy Tuấn

### Đội ngũ cán bộ, viên chức và lao động

Tổng số cán bộ, viên chức và lao động: 46 người, trong đó:  
PGS.TS: 05 Tiến sĩ: 13 Thạc sĩ: 26 Đại học: 07

### Bộ môn/đơn vị trực thuộc khoa:

| TT | BỘ MÔN                                                                              | TRƯỞNG BỘ MÔN/ ĐƠN VỊ   |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 1  | Lâm sinh                                                                            | ThS. Phạm Cường         |
| 2  | Lâm nghiệp xã hội                                                                   | TS. Nguyễn Thị Hồng Mai |
| 3  | Quản lý tài nguyên rừng và môi trường                                               | TS. Trần Minh Đức       |
| 4  | Điều tra quy hoạch rừng                                                             | PGS.TS. Nguyễn Văn Lợi  |
| 5  | Chế biến lâm sản                                                                    | ThS. Nguyễn Đăng Niêm   |
| 6  | Lâm nghiệp đô thị                                                                   | ThS. Ngô Thị Phương Anh |
| 7  | Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn, Bảo tồn Tài nguyên thiên nhiên và phát triển bền vững | PGS.TS. Đặng Thái Dương |

### Hoạt động đào tạo

*Đại học:* Lâm học; Quản lý tài nguyên rừng; Công nghệ chế biến lâm sản; Lâm nghiệp đô thị

*Thạc sĩ:* Lâm học

*Tiến sĩ:* Lâm sinh

### Hoạt động nghiên cứu khoa học

Tham gia nhiều đề tài nghiên cứu khoa học từ cấp cơ sở đến đề tài cấp nhà nước, đề tài liên kết với các tỉnh.

### Hoạt động hợp tác quốc tế:

Hợp tác trên nhiều lĩnh vực, với nhiều Trường Đại học trên Thế giới và các Tổ chức quốc tế như: AIT, Đại học Queensland, Đại học Melbourne (Ôt-xtrây-li-a), Đại học Chiang Mai (Thái Lan), RECOFTC, SNV, ICCO, WWF, IUCN, Helvetas, TBI, UNDP, IDRC, JICA...

## FACULTY OF FORESTRY

### Address:

102 Phung Hung street, Hue city  
Phone: 0234.3529137; Fax: 0234.3538454  
Email: khoa\_lamnghiep@huaf.edu.vn

### Board of Deans

Dean: Assoc.Prof.Dr. Dang Thai Duong  
Vice Deans: Assoc.Prof.Dr. Tran Nam Thang Dr. Hoang Huy Tuan

### Human Resource/Staff

Total of lecturers and staff: 46 people, including:  
Assoc. Prof. Dr: 05 Doctor: 13 Master: 26 Engineer: 07

### Organizational structure

| NO. | DIVISION                                                                                               | HEAD OF DIVISION               |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 1   | Silviculture                                                                                           | M.Sc. Pham Cuong               |
| 2   | Social forestry                                                                                        | Dr. Nguyen Thi Hong Mai        |
| 3   | Forest resource management and environment                                                             | Dr. Tran Minh Duc              |
| 4   | Forest inventory and planning                                                                          | Assoc.Prof.Dr. Nguyen Van Loi  |
| 5   | Forest products processing                                                                             | M.Sc. Nguyen Dang Niem         |
| 6   | Urban forestry                                                                                         | M.Sc. Ngo Thi Phuong Anh       |
| 7   | Centre for Research and Consultancy on Natural Resource Management and Sustainable Development (CRCSD) | Assoc.Prof.Dr. Dang Thai Duong |

### Training program

*Undergraduate degree:* Silviculture; Forest resource management; Forest products processing; Urban forestry

*Master degree:* Silviculture

*Doctoral degree:* Silviculture

### Scientific research activities

The Faculty has implemented scientific research topics of all levels.

### International cooperation

The Faculty has implemented collaborative programs with international universities: AIT, Queensland University, Melbourne University, Chiang Mai University...; and with INGOs: RECOFTC, SNV, ICCO, WWF, IUCN, Helvetas, TBI, UNDP, IDRC, JICA...

## KHOA THỦY SẢN

### Địa chỉ liên lạc

102 đường Phùng Hưng, thành phố Huế  
Điện thoại: 0234.3536566; Fax: 0234.3524923  
Email: [thuysan@huan.edu.vn](mailto:thuysan@huan.edu.vn)

### Ban chủ nhiệm Khoa

Trưởng Khoa: PGS.TS. Lê Văn Dân  
Phó Trưởng Khoa: PGS.TS. Nguyễn Duy Quỳnh Trâm TS. Nguyễn Ngọc Phước

### Đội ngũ cán bộ, viên chức và lao động

Tổng số cán bộ, viên chức và lao động: 40 người, trong đó:  
PGS.TS: 04 Tiến sĩ: 11 Thạc sĩ: 28 Đại học: 01

### Bộ môn/đơn vị trực thuộc khoa

| TT | BỘ MÔN                     | TRƯỞNG BỘ MÔN/ĐƠN VỊ      |
|----|----------------------------|---------------------------|
| 1  | Bệnh thủy sản              | ThS. Trần Quang Khánh Vân |
| 2  | Cơ sở thủy sản             | PGS.TS. Ngô Hữu Toàn      |
| 3  | Nuôi trồng thủy sản        | ThS. Nguyễn Phi Nam       |
| 4  | Quản lý nguồn lợi thủy sản | TS. Mạc Như Bình          |

### Hoạt động đào tạo

*Đại học:* Nuôi trồng thủy sản; Bệnh học thủy sản; Quản lý thủy sản

*Thạc sĩ:* Nuôi trồng thủy sản

*Tiến sĩ:* Nuôi trồng thủy sản

### Hoạt động nghiên cứu khoa học

Khoa đã chủ trì nhiều đề tài NCKH cấp Nhà nước độc lập, cấp bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở Đại học Huế... về các lĩnh vực phát triển nuôi trồng thủy sản; nghiên cứu và quản lý dịch bệnh; Quản lý môi trường và bảo vệ nguồn lợi thủy sản

### Hợp tác quốc tế

Khoa Thủy sản đang đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế trong nghiên cứu và đào tạo. Hợp tác, Chương trình VLIR- IUC, và VLIR- Network, Vương quốc Bỉ, SAREC (Thụy Điển), Đại học Ryukyus (Nhật Bản), Đại học Glasgow (Vương quốc Anh), Rosa- Luxemburg (CHLB Đức), IDRC (Canada).

### Chuyển giao công nghệ

Khoa có nhiều hoạt động tư vấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ thủy sản, bảo tồn, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, nghiên cứu bệnh thủy sản, quy hoạch vùng nuôi và sản xuất Nông-Lâm-Thủy sản, phát triển Nông thôn, các giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường ở các tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên.

## FACULTY OF FISHERIES

### Address

102 Phung Hung street, Hue city  
Phone: 0234.3525439; Fax: 0234.3524 923  
Email: [thuysan@huan.edu.vn](mailto:thuysan@huan.edu.vn)

### Board of Deans

Dean: Assoc.Prof.Dr. Le Van Dan  
Vice-Deans: Assoc.Prof.Dr. Nguyen Duy Quynh Tram Dr. Nguyen Ngoc Phuoc

### Human Resource/Staff

Total of lecturers and staff: 40 people, including:  
Assoc. Prof. Dr: 04 Doctor: 11 Master: 28 Engineer: 01

### Organizational structure

| NO. | DIVISION                    | HEAD OF DIVISION             |
|-----|-----------------------------|------------------------------|
| 1   | Aquatic diseases            | M.Sc. Tran Quang Khanh Van   |
| 2   | Aquatic fundenatal sciences | Assoc. Prof. Dr Ngo Huu Toan |
| 3   | Aquaculture                 | M.Sc. Nguyen Phi Nam         |
| 4   | Aquatic resource management | Dr. Mac Nhu Binh             |

### Training programs

*Undergraduate degree:* Aquaculture; Aquatic diseases; Aquatic management

*Master degree:* Aquaculture

*Doctoral degree:* Aquaculture

### Scientific research activities

The Faculty has hosted many independent scientific research projects at the ministerial level, at the provincial level and at Hue University level ... on the fields of aquacultural development; research and management of diseases; environmental management and protection of aquatic resources.

### International co-operation

The Faculty of Fisheries tries to boost up international cooperation in research and training. Furthermore, the Faculty has been cooperating with international programs such as VRIR-IUC, VLIR- Network (Belgium), SAREC (Sweden), Ryukyus University (Japan), Glasgow University (United Kingdom), Rosa- Luxemburg (Germany), IDRC (Canada).

### Technology transfers

The Faculty has many technical consultancy, technology transfer, aquaculture conservation, aquatic diseases research, planning and production of Aquaculture-Agro-Forestry, rural development, solutions for climate change adaptation, environmental protection in central and highland provinces.

## KHOA TÀI NGUYÊN ĐẤT VÀ MÔI TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP

### Địa chỉ liên lạc

102 đường Phùng Hưng, thành phố Huế  
Điện thoại: 0234. 3516514; Fax: 0234. 3524923;  
Email: [tnd-mt@hvae.edu.vn](mailto:tnd-mt@hvae.edu.vn)

### Ban chủ nhiệm Khoa

Trưởng Khoa: PGS.TS. Nguyễn Hữu Ngừ  
Phó Trưởng Khoa: TS. Nguyễn Thị Hải TS. Nguyễn Văn Bình

### Đội ngũ cán bộ, viên chức và lao động

Tổng số cán bộ, viên chức và lao động: 33 người, trong đó:  
PGS.TS: 02 Tiến sĩ: 06 Thạc sĩ: 22 Đại học: 05

### Bộ môn/đơn vị trực thuộc khoa:

| TT | BỘ MÔN                                      | TRƯỞNG BỘ MÔN/ĐƠN VỊ   |
|----|---------------------------------------------|------------------------|
| 1  | Công nghệ thông tin đất đai                 | ThS. Trần Thị Phương   |
| 2  | Quản lý tài nguyên và môi trường            | PGS.TS. Hồ Kiệt        |
| 3  | Quy hoạch và Kinh tế đất                    | PGS.TS. Nguyễn Hữu Ngừ |
| 4  | Trắc địa và bản đồ                          | TS. Nguyễn Văn Bình    |
| 5  | Trung tâm Tài nguyên và Phát triển bền vững | PGS.TS. Nguyễn Hữu Ngừ |

### Hoạt động đào tạo

*Đại học:* Quản lý đất đai; Bất động sản; Kỹ thuật trắc địa – Bản đồ

*Thạc sĩ:* Quản lý đất đai.

*Tiến sĩ:* Quản lý đất đai.

### Hoạt động nghiên cứu khoa học

Từ ngày thành lập đến nay, Khoa đào tạo trên 4.000 Kỹ sư, Thạc sĩ và Tiến sĩ tốt nghiệp ra trường có việc làm ổn định. Cán bộ giảng viên của Khoa đã xuất bản 12 giáo trình, 5 sách chuyên khảo và tham khảo, 37 bài giảng phục vụ công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, CBGV trong Khoa đã triển khai hơn 50 đề tài nghiên cứu cấp Trường, 42 đề tài sinh viên, hơn 10 đề tài cấp Đại học Huế, 03 đề tài cấp Bộ, 11 đề tài hợp tác quốc tế và 15 đề tài chuyển giao công nghệ khoa học kỹ thuật và phát triển nông thôn cho địa phương.

Các hướng nghiên cứu trọng tâm của Khoa là chính sách đất đai và bất động sản, khoa học đất, quy hoạch sử dụng đất, đánh giá đất, định giá đất, biến đổi khí hậu, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đất đai và bất động sản, quản lý đô thị, quản lý môi trường.

## FACULTY OF LAND RESOURCES AND AGRICULTURAL ENVIRONMENT

### Address

102 Phung Hung street, Hue city  
Phone: 0234. 3516514, Fax: 0234. 3524923;  
Email: [tnd-mt@hvae.edu.vn](mailto:tnd-mt@hvae.edu.vn)

### Board of Deans

Dean Assoc.Prof.Dr. Nguyen Huu Ngu  
Vice-Deans: Dr. Nguyen Thi Hai Dr. Nguyen Van Binh

### Human Resource/Staff

Total of lecturers and staff: 33 people, including:  
Assoc. Prof. Dr: 02 Doctor: 06 Master: 22 Engineer: 05

### Organizational structure:

| NO. | DIVISION                                                | HEAD OF DIVISION              |
|-----|---------------------------------------------------------|-------------------------------|
| 1   | Land information technology                             | M.Sc. Tran Thi Phuong         |
| 2   | Resources and environmental management                  | Assoc.Prof.Dr. Ho Kiet        |
| 3   | Land planning and Economics                             | Assoc.Prof.Dr. Nguyen Huu Ngu |
| 4   | Geodesy and Mapping                                     | Dr. Nguyen Van Binh           |
| 5   | Center for Resources and Sustainable Development (CRSD) | Assoc.Prof.Dr. Nguyen Huu Ngu |

### Training programs:

*Undergraduate degree:* Land management; Real estate; Surveying and mapping engineering

*Master degree:* Land management

*Doctoral degree:* Land management

### Scientific research activities

The Faculty has trained over 4,000 engineers, Masters and PhD students who have stable jobs. Furthermore, 12 textbooks, 5 reference books and monographs, 37 lectures were published by the Faculty staff to serve for teaching and scientific research. In addition, the Faculty staff has implemented more than 50 research topics at the university level, 42 topics of students, over 10 topics at Hue University level, 03 topics at the ministerial level, 11 international cooperation topics and 15 topics for technology transfer, and rural development to the localities.

The research orientations of the Faculty mainly focus on land policy and real estate, soil science, land use planning, land evaluation, land valuation, climate change, information technology application in land management and real estate, urban management, and environmental management.

## KHOA KHUYẾN NÔNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

### Địa chỉ liên lạc

102 đường Phùng Hưng, thành phố Huế  
Điện thoại: 0234. 3523845; Fax: 0234.3523540;  
Email: kn-ptnt@huaf.edu.vn

### Ban chủ nhiệm Khoa

Trưởng Khoa: PGS.TS. Nguyễn Viết Tuấn  
Phó Trưởng Khoa: ThS. Nguyễn Trọng Dũng PGS.TS. Lê Thị Hoa Sen

### Đội ngũ cán bộ, viên chức và lao động

Tổng số cán bộ, viên chức và lao động: 30 người, trong đó:  
PGS.TS: 03 Tiến sĩ: 07 Thạc sĩ: 21 Đại học: 02

### Bộ môn/đơn vị trực thuộc khoa:

| TT | BỘ MÔN                         | TRƯỞNG BỘ MÔN/ĐƠN VỊ     |
|----|--------------------------------|--------------------------|
| 1  | Hệ thống nông nghiệp           | ThS. Nguyễn Ngọc Truyền  |
| 2  | Khuyến nông                    | ThS. Hoàng Thị Hồng Quế  |
| 3  | Kinh tế nông thôn              | ThS. Nguyễn Thiện Tâm    |
| 4  | Phát triển nông thôn           | PGS.TS. Trương Văn Tuyền |
| 5  | Trung tâm Phát triển cộng đồng | PGS.TS Trương Văn Tuyền  |

### Hoạt động đào tạo

Đại học: Khuyến nông (song ngành Khuyến nông – Phát triển nông thôn); Phát triển nông thôn.

Thạc sĩ: Phát triển nông thôn

Tiến sĩ: Phát triển nông thôn

### Hoạt động nghiên cứu khoa học

Qua 15 năm thành lập, Khoa đã thực hiện 4 đề tài cấp bộ, 7 đề tài liên kết từ các chương trình hợp tác quốc tế, 2 đề tài KHCN tỉnh Thừa Thiên Huế, 1 đề tài KHCN tỉnh Quảng Trị và 10 đề tài cấp cơ sở của Đại Học Huế, 66 đề tài cấp trường và hơn 60 nhóm NCKH của sinh viên. Các hướng nghiên cứu chính của Khoa gồm phát triển sinh kế bền vững; Thích ứng và chống chịu Biến đổi khí hậu; Quản lý tài nguyên, Kinh tế hợp tác, Phát triển cộng đồng bền vững; và chuỗi giá trị nông sản. Đến nay (2018), Cán bộ và giảng viên của Khoa đã xuất bản được gần 30 bài báo khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế có uy tín, xuất bản 4 giáo trình và hơn 20 sách chuyên khảo bằng tiếng Anh và tiếng Việt.

## FACULTY OF AGRICULTURAL EXTENSION AND RURAL DEVELOPMENT

### Address

102 Phung Hung street, Hue city  
Phone: 0234. 3523845; Fax: 0234.3523540;  
Email: kn-ptnt@huaf.edu.vn

### Board of Deans

Dean: Assoc.Prof.Dr. Nguyen Viet Tuan  
Vice-Deans: M.Sc. Nguyen Trong Dung Assoc.Prof.Dr. Le Thi Hoa Sen

### Human Resource/Staff

Total of lecturers and staff: 30 people, including:  
Assoc. Prof. Dr: 03 Doctor: 07 Master:21 Engineer: 02

### Organizational structure

| NO. | DIVISION                         | HEAD OF DIVISION               |
|-----|----------------------------------|--------------------------------|
| 1   | Agricultural system              | M.Sc. Nguyen Ngoc Truyen       |
| 2   | Agricultural extension           | M.Sc. Hoang Thi Hong Que       |
| 3   | Rural economics                  | M.Sc. Nguyen Thien Tam         |
| 4   | Rural development                | Assoc.Prof.Dr Truong Van Tuyen |
| 5   | Center for community development | Assoc.Prof.Dr Truong Van Tuyen |

### Training programs:

*Undergraduate degree:* Agricultural extension (both Agricultural extension – Rural development); Rural development;

*Master degree:* Rural development

*Doctoral degree:* Rural development

### Scientific research activities

The Faculty has carried out 4 ministerial-level projects; 7 related projects from international cooperation programs; 2 scientific projects of Thua Thien Hue province, 1 scientific research project of Quang Tri province and 10 research projects at Hue University level, 66 research projects at University and more than 60 students' scientific research. Major research areas of the Faculty include sustainable livelihoods development; Adapting to climate change; Resources management, Co-operative economics; Sustainable community development; and value chain of agricultural products. Until now, the Faculty has published nearly 30 scientific papers in prestigious international journals, over 100 scientific papers on national journals, 4 textbooks and more than 20 reference books in both English and Vietnamese.

## KHOA CƠ BẢN

### Địa chỉ liên lạc

102 đường Phùng Hưng, thành phố Huế  
Điện thoại: 0234. 3537395; Fax: 0234.3524923;  
Email: coban@huaf.edu.vn

### Ban chủ nhiệm Khoa

Trưởng Khoa: ThS. Nguyễn Đăng Nhật  
Phó Trưởng Khoa: ThS. Trần Thị Thùy Hương

### Đội ngũ cán, bộ viên chức và lao động

Tổng số cán bộ, viên chức và lao động: 25 người, trong đó:  
Tiền sĩ: 01 Thạc sĩ: 20 Đại học: 04

### Bộ môn/đơn vị trực thuộc khoa:

| TT | BỘ MÔN   | TRƯỞNG BỘ MÔN/ĐƠN VỊ     |
|----|----------|--------------------------|
| 1  | Hóa học  | ThS. Đinh Thị Thu Thanh  |
| 2  | Sinh học | ThS. Đặng Thị Thu Hiền   |
| 3  | Tin học  | ThS. Trần Thị Thùy Hương |
| 4  | Toán học | ThS. Nguyễn Đức Hồng     |
| 5  | Vật lý   | ThS. Nguyễn Đăng Nhật    |

### Hoạt động đào tạo

*Đại học:* Sinh học ứng dụng

### Hoạt động nghiên cứu khoa học

Từ ngày tái thành lập đến nay, Khoa đã biên soạn 03 giáo trình, 16 bài giảng, 12 bài giảng điện tử, nhiều video clip và Website phục vụ cho công tác giảng dạy và quản lý của Khoa. Bên cạnh đó, CBGV trong Khoa đã triển khai 30 đề tài nghiên cứu cấp Trường, 02 đề tài sinh viên, 04 đề tài cấp Đại học Huế và phối hợp với các Khoa chuyên môn tham gia 02 đề tài cấp Bộ.

Các hướng nghiên cứu trọng tâm của Khoa: Khoa học giáo dục; Khoa học cơ bản ứng dụng trong nông nghiệp; Công nghệ sinh học; Ứng dụng tin học và xác suất thống kê trong nông nghiệp.

## FACULTY OF FUNDAMENTAL SCIENCES

### Address

102 Phung Hung street, Hue city  
Phone: 0234. 3537.395, Fax: 0234. 3524923;  
Email: coban@huaf.edu.vn

### Board of Deans

Dean M.Sc. Nguyen Dang Nhat  
Vice-Dean: M.Sc. Tran Thi Thuy Huong

### Human Resource/Staff

Total of lecturers and staff: 25 people, including:  
Doctor: 01 Master: 20 Bachelor: 04

### Organizational structure

| NO. | DIVISION    | HEAD OF DIVISION          |
|-----|-------------|---------------------------|
| 1   | Chemistry   | M.Sc. Dinh Thi Thu Thanh  |
| 2   | Biology     | M.Sc. Dang Thi Thu Hien   |
| 3   | Informatics | M.Sc. Tran Thi Thuy Huong |
| 4   | Maths       | M.Sc. Nguyen Duc Hong     |
| 5   | Physics     | M.Sc. Nguyen Dang Nhat    |

### Training program

*Undergraduate degree:* Applied biology

### Scientific research activities

Currently, the Faculty of Fundamental Sciences has compiled 03 textbooks, 16 lectures, 12 e-lectures, video clips and websites for its teaching and management. Furthermore, a number of research topics has been deployed by lecturers and students of the Faculty at various levels.

In addition, research orientations of the Faculty are Educational sciences; Basic science applied in agriculture; Biotechnology; Application of information; and probability and statistics in agriculture.

## VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN

### Địa chỉ liên lạc

Phường Hương Vân, Thị xã Hương Trà  
Điện thoại: 0234. 3521055; Fax: +84(0)234.3524923;  
Email: vienncpt@huaf.edu.vn

### Lãnh đạo Viện

Viện trưởng: ThS. Ngô Mậu Dũng  
Phó Viện trưởng: ThS. Nguyễn Khoa Huy Sơn

### Đội ngũ cán bộ, viên chức và lao động

Tổng số cán bộ, viên chức và lao động: 16 người, trong đó:  
Thạc sĩ: 05 Đại học : 03 Khác: 08

### Trung tâm/đơn vị trực thuộc Viện:

| TT | TRUNG TÂM                                                                        | TRƯỞNG ĐƠN VỊ            |
|----|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 1  | Trung tâm Thực hành Lâm nghiệp Hương Vân (phường Hương Vân, Thị xã Hương Trà)    | ThS. Huỳnh Kim Hiếu      |
| 2  | Trung tâm Nghiên cứu cây trồng Tứ Hạ (phường Tứ Hạ, Thị xã Hương Trà)            | ThS. Đặng Văn Sơn        |
| 3  | Trung tâm Thực hành, thực tập nuôi trồng Thủy sản (xã Phú Thuận, huyện Phú Vang) | ThS. Nguyễn Khoa Huy Sơn |

### Hoạt động thực hành, thực tập

Phối hợp với các khoa, bộ môn xây dựng chương trình thực hành, rèn nghề và tổ chức đào tạo tay nghề cho sinh viên theo chương trình đào tạo hàng năm.

### Hoạt động sản xuất

Cung cấp vật liệu (cây trồng, gia súc, gia cầm, động vật thủy sản, lâm sản...) phục vụ thực hành, thực tập cho các môn học theo kế hoạch của các đơn vị.

Xây dựng các mô hình sản xuất nông lâm nghiệp tiên tiến, công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp an toàn thân thiện môi trường, các mô hình xử lý chất thải nông nghiệp hiệu quả.

Cung cấp các dịch vụ chuyên ngành, tư vấn kỹ thuật và chuyển giao kỹ thuật, công nghệ trong lĩnh vực nông thôn, môi trường, quản lý tài nguyên và biến đổi khí hậu.

## INSTITUTE OF DEVELOPMENT STUDIES

### Address

Huong Van ward- Huong Tra commune  
Phone: 0234. 3521055; Fax: +84(0)234.3524923;  
Email: vienncpt@huaf.edu.vn

### Board of Directors

Director: M.Sc. Ngo Mau Dung  
Deputy Director: M.Sc. Nguyen Khoa Huy Son

### Human Resource/Staff

Total of staff: 16 people, including:  
Master: 05 Engineer: 03 Other: 08

### Organizational structure

| NO. | CENTER                                                                  | HEAD OF CENTER            |
|-----|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 1   | Center for Forestry practice (Huong Van ward, Huong Tra commune)        | M.Sc. Huynh Kim Hieu      |
| 2   | Center for Plant Studies in Tu Ha (Tu Ha, Huong Tra commune)            | M.Sc. Dang Van Son        |
| 3   | Center for Aquacultural practice (Phu Thuan commune, Phu Vang district) | M.Sc. Nguyen Khoa Huy Son |

### Practical activities

Collaborate with faculties to develop practical and vocational training programs, and to organize vocational training for students under the annual training programs.

### Production activities

Provide materials (plants, livestock, poultry, aquatic animals, forest products...) to serve for subjects practice according to the plans of the units.

Build advanced agro-forestry production models, hi-technologies, models of environmentally friendly, safe agricultural production to effectively manage agricultural wastes.

Provide specialized services, technical consultancy and technology transfer in the field of rural areas, environment, resource management and climate change.



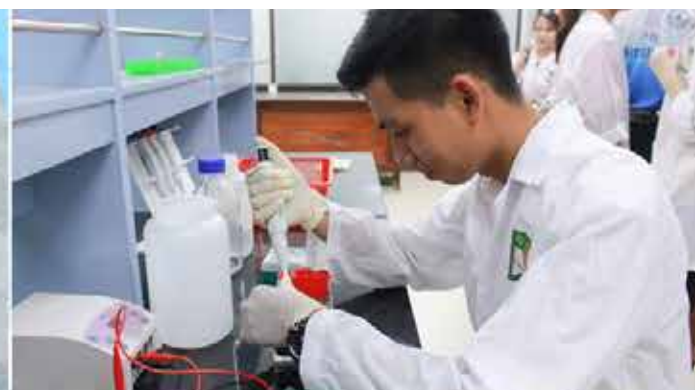
**KHOA CHĂN - NUÔI THÚ Y**

**KHOA NÔNG HỌC**



**KHOA CƠ KHÍ - CÔNG NGHỆ**

**KHOA LÂM NGHIỆP**



**KHOA THỦY SẢN**

**KHOA TÀI NGUYÊN ĐẤT VÀ MÔI TRƯỜNG NÔNG NGHIỆP**



**KHOA KHUYẾN NÔNG VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**KHOA CƠ BẢN**



**VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN**

**ĐỘI NGŨ  
HUMAN RESOURCES**

| TT               | TRÌNH ĐỘ      | TỔNG CÁN BỘ                |
|------------------|---------------|----------------------------|
| 1                | Giáo sư       | 03                         |
| 2                | Phó Giáo sư   | 42                         |
| 3                | Tiến sĩ       | 104                        |
| 4                | Thạc sĩ       | 220                        |
| 5                | Cử nhân/Kỹ sư | 80                         |
| 6                | Trình độ khác | 30                         |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |               | <b>(3)+(4)+(5)+(6) 434</b> |

**QUY MÔ ĐÀO TẠO  
THE SCALE OF TRAINING PROGRAMS**

| HỆ/ TRÌNH ĐỘ      | NGÀNH | NGƯỜI HỌC   | TUYỂN SINH  | TỐT NGHIỆP  |
|-------------------|-------|-------------|-------------|-------------|
| Đại học chính quy | 25    | 6609        | 1154        | 1110        |
| Vừa học vừa làm   | 7     | 517         |             | 360         |
| Cao đẳng          | 2     | 295         | 49          | 56          |
| Thạc sĩ           | 10    | 472         | 241         | 283         |
| Tiến sĩ           | 8     | 46          | 2           | 6           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>  |       | <b>7939</b> | <b>1446</b> | <b>1815</b> |

**CƠ SỞ VẬT CHẤT  
FACILITIES MANAGEMENT**

| TT                                                      | CƠ SỞ/ ĐỊA ĐIỂM                                                                              | SỐ PHÒNG | DIỆN TÍCH XÂY DỰNG | DIỆN TÍCH ĐẤT  |
|---------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|----------|--------------------|----------------|
| <b>I. Cơ sở chính tại 102 Phùng Hưng, thành phố Huế</b> |                                                                                              |          |                    | 64.533         |
| 1                                                       | Phòng học, giảng đường, hội trường                                                           | 73       | 10.101             |                |
| 2                                                       | Thư viện                                                                                     | 18       | 2.400              |                |
| 3                                                       | Phòng thí nghiệm, thực hành                                                                  | 59       | 7.860              |                |
| 4                                                       | Phòng thực hành máy tính                                                                     | 8        | 620                |                |
| 5                                                       | Diện tích sân bãi TDTT(sân bóng đá, sân bóng rổ, nhà thể thao đa năng, nhà thi đấu bóng bàn) | 4        | 6.254              |                |
| <b>II. Các cơ sở thí nghiệm, thực hành</b>              |                                                                                              |          |                    |                |
| 1                                                       | Trung tâm Nghiên cứu Giống vật nuôi (phường An Tây, thành phố Huế)                           | 10       | 680                | 11.550         |
| 2                                                       | Trung tâm Thực hành Lâm nghiệp (phường Hương Vân, Thị xã Hương Trà)                          | 12       | 626                | 450.705        |
| 3                                                       | Trung tâm Nghiên cứu cây trồng (phường Tứ Hạ, Thị xã Hương Trà)                              | 8        | 560                | 199.400        |
| 4                                                       | Trung tâm Thực hành, thực tập nuôi trồng Thủy sản (xã Phú thuận, huyện Phú vang)             | 21       | 1560               | 48.124         |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                        |                                                                                              |          | <b>18.262</b>      | <b>774.312</b> |

Đơn vị tính: m<sup>2</sup>

**DANH MỤC NGÀNH TUYỂN SINH 2019**  
**LIST OF SPECIALITIES IN 2019**

| TT                                                 | TÊN NGÀNH                                                   | SPECIALIZATION                                                           |
|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| <b>I. Hệ đào tạo Đại học/ Undergraduate degree</b> |                                                             |                                                                          |
| 1                                                  | Chăn nuôi (song ngành Chăn nuôi - Thú Y)                    | Animal science (both Animal science - Veterinary medicine)               |
| 2                                                  | Thú y                                                       | Veterinary medicine                                                      |
| 3                                                  | Công nghệ thực phẩm                                         | Food technology                                                          |
| 4                                                  | Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm                     | Food quality assurance and safety                                        |
| 5                                                  | Kỹ thuật cơ sở hạ tầng                                      | Infrastructural engineering                                              |
| 6                                                  | Công nghệ sau thu hoạch                                     | Post-harvested technology                                                |
| 7                                                  | Kỹ thuật cơ - điện tử                                       | Mechatronics engineering                                                 |
| 8                                                  | Công nghệ kỹ thuật cơ khí                                   | Mechanical engineering                                                   |
| 9                                                  | Lâm học                                                     | Silviculture                                                             |
| 10                                                 | Lâm nghiệp đô thị                                           | Urban forestry                                                           |
| 11                                                 | Quản lý tài nguyên rừng                                     | Forest resource management                                               |
| 12                                                 | Công nghệ chế biến lâm sản                                  | Forest products processing                                               |
| 13                                                 | Nuôi trồng thủy sản                                         | Aquaculture                                                              |
| 14                                                 | Quản lý thủy sản                                            | Aquatic management                                                       |
| 15                                                 | Bệnh học thủy sản                                           | Aquatic diseases                                                         |
| 16                                                 | Quản lý đất đai                                             | Land management                                                          |
| 17                                                 | Bất động sản                                                | Real estate                                                              |
| 18                                                 | Khuyến nông (song ngành Khuyến Nông - Phát triển nông thôn) | Agricultural extension (both Agricultural extension - Rural development) |
| 19                                                 | Phát triển nông thôn                                        | Rural development                                                        |
| 20                                                 | Khoa học cây trồng                                          | Crop science                                                             |
| 21                                                 | Bảo vệ thực vật                                             | Plant protection                                                         |
| 22                                                 | Nông học                                                    | Agronomy                                                                 |
| 23                                                 | Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan                          | Horticulture                                                             |
| 24                                                 | Sinh học ứng dụng                                           | Applied biology                                                          |
| 25                                                 | Kỹ thuật trắc địa – Bản đồ                                  | Surveying and mapping engineering                                        |
| <b>II. Hệ đào tạo Thạc sĩ/ Master degree</b>       |                                                             |                                                                          |
| 1                                                  | Quản lý đất đai                                             | Land management                                                          |
| 2                                                  | Lâm học                                                     | Silviculture                                                             |
| 3                                                  | Phát triển nông thôn                                        | Rural development                                                        |
| 4                                                  | Khoa học cây trồng                                          | Crop science                                                             |
| 5                                                  | Chăn nuôi                                                   | Animal science                                                           |
| 6                                                  | Nuôi trồng thủy sản                                         | Aquaculture                                                              |
| 7                                                  | Thú y                                                       | Veterinary medicine                                                      |
| 8                                                  | Bảo vệ thực vật                                             | Plant protection                                                         |
| 9                                                  | Công nghệ thực phẩm                                         | Food technology                                                          |
| 10                                                 | Kỹ thuật cơ khí                                             | Mechanical engineering                                                   |
| <b>III. Hệ đào tạo Tiến sĩ/ Doctoral degree</b>    |                                                             |                                                                          |
| 1                                                  | Khoa học cây trồng                                          | Crop science                                                             |
| 2                                                  | Chăn nuôi                                                   | Animal science                                                           |
| 3                                                  | Quản lý đất đai                                             | Land management                                                          |
| 4                                                  | Lâm sinh                                                    | Silviculture                                                             |
| 5                                                  | Phát triển nông thôn                                        | Rural development                                                        |
| 6                                                  | Thú y                                                       | Veterinary medicine                                                      |
| 7                                                  | Nuôi trồng thủy sản                                         | Aquaculture                                                              |
| 8                                                  | Bảo vệ thực vật                                             | Plant protection                                                         |

**NGUỒN THU TÀI CHÍNH CỦA TRƯỜNG**  
**FINANCIAL MANAGEMENT**

| TT | NGUỒN THU TÀI CHÍNH                             | SỐ TIỀN               |
|----|-------------------------------------------------|-----------------------|
| 1  | Ngân sách Nhà nước cấp                          | 27.771.000.000        |
| 2  | Học phí các hệ                                  | 66.260.190.000        |
| 3  | Các khoản thu từ CSVC, dịch vụ                  | 4.331.510.050         |
| 4  | Thu từ các đề tài, dự án, NCKH vào quỹ phúc lợi | 1.174.330.000         |
|    | <b>TỔNG</b>                                     | <b>99.537.030.050</b> |

Đơn vị tính: đồng

**HỌC BỔNG**  
**SCHOLARSHIPS**

| TT                              | TÊN HỌC BỔNG                  | SỐ SUẤT     | GIÁ TRỊ    | THÀNH TIỀN    | ĐVT        |
|---------------------------------|-------------------------------|-------------|------------|---------------|------------|
| <b>I. Ngoài ngân sách</b>       |                               |             |            |               |            |
| 1                               | Viethope                      | 31          | 300        | 9.300         | USD        |
| 2                               | Phuc's Fond                   | 6           | 6.700.000  | 40.200.000    | VNĐ        |
| 3                               | Hassen                        | 3           | 216        | 648           | USD        |
| 4                               | Nguyễn Trường Tộ              | 23          | 200        | 4.600         | USD        |
| 5                               | Vallet                        | 5           | 16.000.000 | 80.000.000    | VNĐ        |
| 6                               | Vừ A Dính                     | 1           | 1.000.000  | 1.000.000     | VNĐ        |
| 7                               | Happel                        | 37          | 30         | 1.110         | Euro/Tháng |
| 8                               | VESAF                         | 12          | 9          | 108.000.000   | VNĐ        |
| 9                               | Công ty Cargill               | 20          | 5          | 100.000.000   | VNĐ        |
| 10                              | Công ty Greenfeed             | 30          | 9          | 270.000.000   | VNĐ        |
| 11                              | Công ty Emivest               | 5           | 9          | 45.000.000    | VNĐ        |
| 12                              | Vietcombank TTH               | 10          | 2          | 20.000.000    | VNĐ        |
| 13                              | Keidanren (Nhật Bản)          | 5           | 300        | 1.500         | USD        |
| 14                              | Hội CSV CNTY khu vực phía Nam | 30          | 5          | 150.000.000   | VNĐ        |
| <b>II. Khuyến khích học tập</b> |                               | 800         |            | 3.500.000.000 | VNĐ        |
|                                 | <b>TỔNG</b>                   | <b>1018</b> |            |               |            |

**SỐ LƯỢNG BÀI BÁO XUẤT BẢN TRÊN CÁC TẠP CHÍ VÀ HỘI THẢO**  
**PUBLICATIONS**

| TT                    | LOẠI TẠP CHÍ     | SỐ LƯỢNG             |
|-----------------------|------------------|----------------------|
| <b>I. Quốc tế</b>     |                  | <b>79</b>            |
| 1                     | Danh mục ISI     | 31                   |
| 2                     | Danh mục Scopus  | 28                   |
| 3                     | Các bài báo khác | 20                   |
| <b>II. Trong nước</b> |                  | <b>204</b>           |
|                       | <b>TỔNG</b>      | <b>(I)+(II) 303*</b> |

\*Tính từ 01/07/2017 đến 30/06/2018

CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN  
PROJECTS, RESEARCH TOPICS HAVE BEING IMPLEMENTED

| STT                                             | LOẠI ĐỀ TÀI, DỰ ÁN               | SỐ LƯỢNG   | KINH PHÍ              |
|-------------------------------------------------|----------------------------------|------------|-----------------------|
| <b>I. Nghiên cứu khoa học</b>                   |                                  |            |                       |
| 1                                               | Đề tài cấp trường sinh viên      | 64         | 200.000.000           |
| 2                                               | Đề tài cấp trường giáo viên      | 70         | 250.000.000           |
| 3                                               | Đề tài cấp cơ sở Đại học Huế     | 28         | 1.680.000.000         |
| 4                                               | Đề tài cấp Bộ                    | 06         | 2.500.000.000         |
| 5                                               | Đề tài cơ bản (NAFOSTED)         | 03         | 2.367.000.000         |
| 6                                               | Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ | -          | -                     |
| 7                                               | Đề tài cấp Quốc gia              | 03         | 8.310.000.000         |
| <b>II. Các dự án hợp tác quốc tế</b>            |                                  | 13         | 42.248.033.000        |
| <b>III. Đề tài, dự án liên kết</b>              |                                  | 02         | 2.010.000.000         |
| <b>IV. Dự án sản xuất thử nghiệm cấp trường</b> |                                  | 03         | 150.000.000           |
| <b>TỔNG CỘNG</b>                                |                                  | <b>191</b> | <b>59.715.033.000</b> |

Đơn vị tính: đồng

DANH SÁCH BÀI BÁO TRÊN TẠP CHÍ KHOA HỌC QUỐC TẾ UY TÍN  
TRONG DANH MỤC ISI/SCOPUS NĂM 2018  
LIST OF ARTICLES ON PRESTIGE INTERNATIONAL SCIENCE JOURNALS  
IN LIST OF ISI/SCOPUS IN 2018

| TT            | TÊN BÀI BÁO                                                                                                                                                   | TÁC GIẢ                                                                                                                                                | TẠP CHÍ                               |
|---------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|
| <b>I. ISI</b> |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                        |                                       |
| 1             | Enlarging the monotypic Monocarpieae (Annonaceae, Malmeoideae): recognition of a second genus from Vietnam informed by morphology and molecular phylogenetics | Tanawat Chaowasku (Chính), Anissara Damthongdee, Hathaichanok Jongsook, Dung T. Ngo, Hung T. Le, Duc M. Tran, Somran Suddee                            | Candollea                             |
| 2             | The importance of wild gecko as a source of human Salmonella infection                                                                                        | Khanh Thuan Nguyen (Chính), Võ Thị Minh Tâm, Mizuki Hasegaw, Thu Tam Nguyen, Thi Hong To Tran, Thi Lien Khai LY, Takahide Taniguchi, Hideki Hayashidan | Journal of Veterinary Medical Science |
| 3             | Prospects for Food Fermentation in South-East Asia, Topics From the Tropical Fermentation and Biotechnology Network at the End of the AsiFood Erasmus+Project | Võ Văn Quốc Bảo                                                                                                                                        | Frontiers in Microbiology             |
| 4             | Biogas Quality across Small-Scale Biogas Plants: A Case of Central Vietnam                                                                                    | Roubík Hynek, Mazancová Jana, Lê Đình Phùng, Đình Văn Dũng, Banout Jan                                                                                 | Energies                              |

|    |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                              |                                         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 5  | Structural Design of Near-Infrared Light-Active Cu/TiO2/NaYF4: Yb, Er Nanocomposite Photocatalysts                                                                 | Dương Văn Hậu, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Văn Đức, Vu Phi Tuyen, Thanh-Dinh Nguyen, Trần Thái Hòa, Nguyễn Đức Cường (Chính) | Journal of Electronic Materials         |
| 6  | Genetic Characterisation of Vietnamese Yellow cattle using mitochondrial DNA and Y-chromosomal haplotypes and genes associated with economical traits              | Lê Nữ Anh Thư, Vũ Văn Hải, Yu Okuda, Dương Thị Hương, Nguyen Ba Trung, Nguyễn Hữu Văn, Lê Đình Phùng, Tetsu Kunieda (Chính)  | Animal Science Journal                  |
| 7  | Vietnamese workers on rubber plantations in Southern Laos                                                                                                          | Ian G. Baird (Chính), William Noseworthy, Nghiem Phuong Tuyen, Lê Thị Thu Hà (LN), Jefferson Fox                             | Singapore Journal of Tropical Geography |
| 8  | Impacts of alternate wetting and drying on greenhouse gas emission from paddy field in Central Vietnam                                                             | Trần Đăng Hòa (Chính), Hoàng Trọng Nghĩa, Takeshi Tokida, Agnes Tirol-Padre, Kazunori Minamikawa                             | Soil Science and Plant Nutrition        |
| 9  | Genetic diversity of groundnut rhizosphere antagonistic bacteria and biological control of groundnut wilted diseases in central Vietnam                            | Le CN (Chính), Thai TH, Tran DH, Nguyen TL, Nguyen XV                                                                        | Legume Research                         |
| 10 | Transcriptome analysis highlights key differentially expressed genes involved in cellulose and lignin biosynthesis of sugarcane genotypes varying in fiber content | Kasirajan L (Chính), Hoàng Văn Nam (Chính), Furtado A, Botha FC, Henry RJ                                                    | Scientific Reports                      |
| 11 | Nutritional Strategies to Reduce Emissions from Waste in Pig production in: A. Mathew (Ed.) Achieving sustainable production of pig meat                           | Lê Đình Phùng, Hynek Roubík, Jana Mazancová, Jan Banout , Đình Văn Dũng                                                      | Energies                                |
| 12 | Using a social learning configuration to increase Vietnamese smallholder farmers' adaptive capacity to respond to climate change                                   | Lê Thị Hồng Phương (Chính), Lê Thị Hoa Sen, Arjen Wals, Nguyen Quoc Hoa, Phan Van Lu & Robbert Biesbroek                     | Local Environment                       |
| 13 | Incorporation of rice straw mitigates methane and nitrous oxide emissions in water saving paddy fields of Central Vietnam                                          | Hoàng Thị Thái Hòa (Chính), Đỗ Đình Thực, Trần Thị Thu Giang, Tan Duc Ho, Hafeez ur Rehman                                   | Archives of Agronomy and Soil Science   |

|    |                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                |                                                  |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|
| 14 | Nitrogen fertilization management can decrease methane emission from wetland rice fields of Central Vietnam                                                  | Hoàng Thị Thái Hòa (Chính), Đỗ Đình Thực, Trịnh Thị Sen, Trần Thị Xuân Phương                                                                                  | International Journal of Agriculture and Biology |
| 15 | Isolation, characterization and comparative analysis of plant-associated bacteria for suppression of soil-borne diseases of field-grown groundnut in Vietnam | Le CN (Chính), Hoang TK, Thai TH, Tran TL, Phan TPN, Raaijmakers IM                                                                                            | Biological Control                               |
| 16 | Current approach to manure management for small-scale Southeast Asian farmers - Using Vietnamese biogas and non-biogas farms as an example                   | Roubík, H., Mazancová, J., Lê Đình Phùng, Banout, J.,                                                                                                          | Renewable Energy                                 |
| 17 | Serological and molecular surveys of Babesia bovis and babesia bigemina among native cattle and cattle imported from Thailand in Hue, Vietnam                | Sivakumar T, Đinh Thị Bích Lân, Phùng Thăng Long, Viet LQ, Weerasooriya G, Kume A, Suganuma K, Igarashi I, Yokoyama N.                                         | Journal of Veterinary Medical Science            |
| 18 | Self-aggregation of water-dispersible nanocollagen helices                                                                                                   | Dương Văn Hậu, Trang The Lieu Chau, Đặng Thị Thanh Nhân, Nguyễn Văn Đức, Lê Lâm Sơn, Thang Sy Ho, Tuyen Phi Vu, Trần Thị Văn Thị, Tahn Dinh Nguyen (Chính)     | Biomaterials Science                             |
| 19 | Nitrogen fertilization management and nitrous oxide emission in lettuce vegetable fields in Central Vietnam                                                  | Hoàng Thị Thái Hòa, Đỗ Đình Thực, Trịnh Thị Sen                                                                                                                | International Journal of Agriculture and Biology |
| 20 | Genus Huberantha (Annonaceae) revisited: erection of Polyalthiopsis, a new genus for H. floribunda, with a new combination H. luensis                        | Tanawat Chaowasku (Chính), Anisara Damthongdee, Hathaichanok Jongsook, Maxim S. Nuraliea, Dung T. Ngo, Hung T. Le, Pathrapol Lithanatudom, Maslin Osathanunkul | Annales Botanici Fennici                         |
| 21 | Antifungal activity of water-soluble chitosan against Colletotrichum capsici in postharvest chili pepper                                                     | Lê Thanh Long (Chính), Le Van Tan; Vu Ngoc Boi; Trang Si Trung                                                                                                 | Journal of Food Processing and Preservation      |
| 22 | A system for large scale production of chrysanthemum using microponics with the supplement of silver nanoparticles under light-emitting diodes.              | Hoàng Thanh Tùng (Chính), Nguyễn Bá Nam, Nguyễn Phúc Huy, Vũ Quốc Luận, Vũ Thị Hiền, Lê Tiến Dũng, Trương Thị Bích Phượng, Nguyễn Hoàng Lộc                    | Scientia Horticulturae                           |

|                   |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                            |                                                 |
|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|
| 23                | Determinants and correlates of above-ground biomass in a secondary hillside rainforest in Central Vietnam                           | Roland Cochard (Chính), Văn Thị Yến, Ngô Trí Dũng                                                                                                                          | New Forests                                     |
| 24                | Biocompatible Chitosan-Functionalized Upconverting Nanocomposites                                                                   | Dương Văn Hậu, Châu Thế Liễu Trang, Đặng Thị Thanh Nhân, Frankie Vanterpool, Manuel Salmeron-Sanchez, Erlantz Lizundia, Trần Thái Hòa, Nguyễn Việt Long, Nguyễn Thanh Định | ACS Omega                                       |
| 25                | Effect of oligochitosan-coated silver nanoparticles (OCAgNPs) on the growth and reproduction of three species Phytophthora in vitro | Nguyễn Vĩnh Trường (Chính), Trần Quang Khánh Vân, Trần Ngọc Quỳnh                                                                                                          | Archives of Phytopathology and Plant Protection |
| 26                | The Challenge of Analyzing the Sugarcane Genome                                                                                     | Thirugnanasambandam PP (Chính), Hoàng Văn Nam (Chính), and Henry RJ                                                                                                        | Frontiers in Plant Science                      |
| 27                | Building blocks for social-ecological transformations: identifying and building on governance successes for small-scale fisheries   | Mark Andrachuk (Chính), Derek Armitage, Hoàng Dũng Hà, Lê Văn Nam                                                                                                          | Ecology and Society                             |
| 28                | Release behavior of allyl sulfide from cyclodextrin inclusion complex of allyl sulfide under storage conditions                     | Nguyễn Thị Vân Anh (Chính), Hidefumi Yoshii, Hidefumi Yoshii                                                                                                               | Bioscience, Biotechnology and Biochemistry      |
| 29                | Biomimetic Synthesis of Silver Nanoparticles for Preparing Preservative Solutions for Mandarins (Citrus deliciosa Tenore)           | Võ Văn Quốc Bảo (Chính), Lê Đại Vương, Lê Văn Luận                                                                                                                         | Nano LIFE                                       |
| 30                | Barriers and enablers to climate changeadaptation in hierarchical governance systems: the case of Vietnam                           | Lê Thị Hồng Phương (Chính), Robbert Biesbroek, Arjen Wals                                                                                                                  | Journal of Environmental Policy and Planning    |
| 31                | Cultivable butyrate-producing bacteria of elderly Japanese diagnosed with Alzheimer's disease                                       | Nguyễn Thị Thủy Tiên (Chính), Hidetoshi Morita, Y. Fujimura, I. Mimura, Y. Fujii, Nguyễn Ngọc Lương, H. Morita                                                             | Journal of Microbiology                         |
| <b>II. SCOPUS</b> |                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                            |                                                 |
| 1                 | Aggressiveness and genetic diversity of Ralstonia solanacearum strains from tomato in Vietnam                                       | Trương Thị Hồng Hải (Chính), Dương Thanh Thủy, Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Hoàng Khánh Linh, Bùi Thị Quỳnh Thơ, Nguyễn Thị Hoài Trâm                                       | Indian Phytopathology                           |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                                                                   |                                                    |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 2  | Assessment of soil quality indicators under different agricultural land uses and topographic aspects in Central Vietnam                                                                                                                                                   | Tung Gia Pham (Chính), Hung Trong Nguyen, Martin Kappas                                                                                                                           | International Soil and Water Conservation Research |
| 3  | Pig production System of Ethnic Group in Taranariki                                                                                                                                                                                                                       | Trần Thị Thu Hồng, Lê Đức Ngoan                                                                                                                                                   | Journal of Veterinary and Animal Research          |
| 4  | The use of the semi-empirical method to establish a damping model for tire-soil system                                                                                                                                                                                    | Đỗ Minh Cường, Nguyễn Thị Ngọc                                                                                                                                                    | Coupled Systems Mechanics                          |
| 5  | Study on genetic diversity of <i>Curculigo orchoides</i> Gaertn populations from Vietnam, an endangered medicinal herb                                                                                                                                                    | Hoàng Tấn Quảng (Chính), Bùi Lê Thanh Nhân, Trần Minh Đức, Trần Văn Giang, Phạm Thành (Chính)                                                                                     | Plant Cell Biotechnology and Molecular Biology     |
| 6  | The effects of different culture medium and explants on callus production of <i>Amomum xanthioides</i> Wall.                                                                                                                                                              | Trương Thị Bích Phượng (Chính), Ngo Thi Hong Ha, Nguyen Thanh, Thanh Trong Bao Than, Nguyễn Đức Tuấn, Nguyễn Quang Đức Tiến, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Hiền Trang, Nguyễn Đức Chung | Plant Cell Biotechnology and Molecular Biology     |
| 7  | Fattening “Yellow” cattle on cassava root pulp, urea and rice straw: completely mixed ration system with cassava foliage as protein supplement compared with feeds not mixed and brewers’ grains as protein source. Livestock Research for Rural Development 30 (10) 2018 | Nguyễn Xuân Bả, Đinh Văn Dũng                                                                                                                                                     | Livestock Research for Rural Development           |
| 8  | Effect of biochar and water spinach on feed intake, digestibility and N-retention in goats fed urea-treated cassava stems                                                                                                                                                 | Nguyễn Xuân Bả, Le Thi Thuy Hang, T R Preston, R A Leng                                                                                                                           | Livestock Research for Rural Development           |
| 9  | Some physiological and biochemical characteristics of <i>Eurycoma longifolia</i> Jack tree grown in the arboretum                                                                                                                                                         | Nguyễn Hoàng Lộc (Chính), Phạm Thị Ngọc Lan, Văn Thị Yên, Hoàng Trọng Đạt                                                                                                         | Plant Cell Biotechnology and Molecular Biology     |
| 10 | Effect of sweet or bitter cassava leaves and biochar on methane production in an in vitro incubation with substrates of <i>Bauhinia acuminata</i> and water spinach ( <i>Ipomoea aquatica</i> )                                                                           | Phonevilay Silivong (Chính), Dương Thanh Hải, Nguyễn Hữu Văn                                                                                                                      | Livestock Research for Rural Development           |

|    |                                                                                                                                                                                                              |                                                                                               |                                                    |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 11 | Effect of biochar on growth performance of local “Yellow” cattle fed ensiled cassava roots, fresh brewers’ grains and rice straw                                                                             | Bounthavy Vongkhamchanh (Chính), Dương Thanh Hải, Lê Văn An, T R Preston                      | Livestock Research for Rural Development           |
| 12 | Apparent digestibility and N retention in growing local pigs fed ensiled Taro foliage ( <i>Colocasia esculenta</i> ) replaced by protein-enriched cassava root ( <i>Manihot esculenta</i> Crantz)            | Nouphone Manivanh (Chính), Trần Thị Thu Hồng, Lê Văn An                                       | Livestock Research for Rural Development           |
| 13 | Effect of Time, C/N ratio and Molasses Concentration on <i>Saccharomyces Cerevisiae</i> Biomass production                                                                                                   | Sokchea H (Chính), Phan Thị Hằng, Lê Đình Phùng, Lê Đức Ngoan, Trần Thị Thu Hồng, Khieu Borin | Journal of Veterinary and Animal Research          |
| 14 | Rice distillers’ byproduct and biochar as additives to a forage-based diet for growing Moo Lath pigs; effects on growth and fed conversion.                                                                  | Nguyễn Quang Linh, Dư Thanh Hằng                                                              | Livestock Research for Rural Development           |
| 15 | Effect of a 4% dietary concentration of rice distillers’ byproduct, or of brewers' grains, on growth rate and feed conversion during pregnancy and lactation of native Moo Lath gilts and their progeny      | Bounlerth Sivilai, T R Preston (Chính), Dư Thanh Hằng, Nguyễn Quang Linh                      | Livestock Research for Rural Development           |
| 16 | Effect of replacing ensiled taro foliage ( <i>Colocasia esculenta</i> ) with ensiled banana pseudo-stem ( <i>Musa</i> spp) and soybean meal on intake, digestibility and nitrogen retention in Moo Lath pigs | Boulterth Sivilai (Chính), Dư Thanh Hằng, Nguyễn Quang Linh                                   | Livestock Research for Rural Development           |
| 17 | De novo assembly and characterizing of the culm-derived meta-transcriptome from the polyploid sugarcane genome based on coding transcripts                                                                   | Hoàng Văn Nam (Chính), Thirugnanasambandam PP, Furtado A, Botha FC and Henry RJ               | Heliyon                                            |
| 18 | Integrated universal soil loss equation (USLE) and Geographical Information System (GIS) for soil erosion estimation in A Sap basin: Central Vietnam                                                         | Tung Gia Pham (Chính), Jan Degener, Martin Kappas                                             | International Soil and Water Conservation Research |
| 19 | Effect of variety, soil type and harvest interval on biomass yield and soluble and insoluble oxalates in taro ( <i>Colocasia esculenta</i> L.) foliage                                                       | Dư Thanh Hằng (Chính), Phan Vũ Hải, Geoffrey Savage                                           | Livestock Research for Rural Development           |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                              |                                          |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| 20 | Brewers' grains (5% of diet DM) increases the digestibility, nitrogen retention and growth performance of goats fed a basal diet of Bauhinia accuminata and foliage from cassava (Manihot esculenta Crantz) or water spinach (Ipomoea aquatica) | Phonevilay Silivong (Chính), T R Preston, Nguyễn Hữu Văn, Dương Thanh Hải                    | Livestock Research for Rural Development |
| 21 | Effect of water spinach and biochar on methane production in an in vitro system with substrate of Bauhinia acuminata or Bitter Neem (Azadirachta indica) leaves                                                                                 | Phonevilay Silivong (Chính), T R Preston, Nguyễn Hữu Văn, Dương Thanh Hải                    | Livestock Research for Rural Development |
| 22 | Digestibility, nitrogen balance and methane emissions in goats fed cassava foliage and restricted levels of brewers' grains                                                                                                                     | Lê Thị Thúy Hằng,, T R Preston, Nguyễn Xuân Bả, Đinh Văn Dũng                                | Livestock Research for Rural Development |
| 23 | Methane production in an in vitro rumen incubation of cassava pulp-urea with additives of brewers' grain, rice wine yeast culture, yeast-fermented cassava pulp and leaves of sweet or bitter cassava variety                                   | Phuong L T Binh, T R Preston, Nguyễn Hữu Văn, Đinh Văn Dũng                                  | Livestock Research for Rural Development |
| 24 | Technical efficiency of rice production in the delta of the Vu Gia Thu Bon river basin, Central Vietnam.                                                                                                                                        | Rui Pedrosa (Chính), Trần Đăng Hòa, Trịnh Quốc Việt, Lê Văn An, Trần Đăng Khoa, Lê Khắc Phúc | World Development Perspectives           |
| 25 | Ensiling Taro (Colocasia esculenta L.) foliage with cassava flour, rice bran or molasses; effect on concentration of soluble and insoluble oxalates                                                                                             | Dur Thanh Hằng (Chính), Phan Vũ Hải, Savage Geoffrey                                         | Livestock Research for Rural Development |
| 26 | Improving nutritive value of cassava root (Manihot esculenta Crantz) by fermentation with yeast (Saccharomyces cerevisiae), urea and di-ammonium phosphate                                                                                      | Nouphone Manivanh (Chính), Lê Văn An, Trần Thị Thu Hồng, T R Preston                         | Livestock Research for Rural Development |
| 27 | Ensiling Taro (Colocasia esculenta L.) foliage with cassava flour, rice bran or molasses; effect on concentration of soluble and insoluble oxalates                                                                                             | Dur Thanh Hằng (Chính), Phan Vũ Hải, Geoffrey Savage                                         | Livestock Research for Rural Development |
| 28 | Effect of diammonium phosphate (DAP) on conversion of crude to true protein content in a solid-state fermentation of mixed cassava pulp and maize grain                                                                                         | Dur Thanh Hằng (Chính), Hồ Lê Quỳnh Châu                                                     | Livestock Research for Rural Development |

**DANH MỤC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐANG THỰC HIỆN**  
**LIST OF PROJECTS, RESEARCH TOPICS HAVE BEING IMPLEMENTED**

| TT                         | TÊN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN                                                                                                                                                                                           | CHỦ TRÌ                  |
|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| <b>I. CẤP QUỐC GIA</b>     |                                                                                                                                                                                                             |                          |
| 1                          | Khai thác và phát triển nguồn gen cây Bời lời đỏ (Machilus odoratissima Nees) ở miền Trung và Tây nguyên                                                                                                    | PGS.TS. Đặng Thái Dương  |
| 2                          | Sản xuất thử nghiệm giống lúa đặc sản Ra Zư và A Ri tại tỉnh Thừa Thiên Huế                                                                                                                                 | TS. Nguyễn Tiến Long     |
| 3                          | Nghiên cứu nâng cao năng suất và sử dụng có hiệu quả nguồn gen lợn Cò và lợn Mèo (đề tài nhánh quỹ gen cấp quốc gia)                                                                                        | ThS. Ngô Mậu Dũng        |
| <b>II. CẤP BỘ</b>          |                                                                                                                                                                                                             |                          |
| 1                          | Ứng dụng công nghệ TRMM - GIS (chương trình đo mưa nhiệt đới – hệ thống thông tin địa lý) trong nghiên cứu ảnh hưởng của hạn hán đến sản xuất nông nghiệp và đề xuất giải pháp thích ứng tại tỉnh Quảng Nam | PGS.TS. Nguyễn Hữu Ngự   |
| 2                          | Nghiên cứu sản xuất chế phẩm vi sinh từ vi khuẩn có ích <i>Bacillus</i> sp. phòng trừ bệnh héo rũ và kích thích sinh trưởng lạc tại miền Trung Việt Nam                                                     | PGS.TS. Lê Như Cương     |
| 3                          | Nghiên cứu phục hồi và phát triển bền vững các loài mây nước dưới tán rừng tự nhiên ở tỉnh Thừa Thiên Huế                                                                                                   | PGS.TS. Nguyễn Văn Lợi   |
| 4                          | Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học sinh sản và sản xuất giống cá Càng bốn sọc ( <i>Pelates quadrilineatus</i> Bloch, 1790)                                                                                 | PGS.TS. Ngô Hữu Toàn     |
| 5                          | Nghiên cứu sản xuất chế phẩm sinh học phòng trị bệnh Suyễn lợn do <i>Mycoplasma hyopneumoniae</i> (MH) gây ra                                                                                               | PGS.TS. Phùng Thăng Long |
| 6                          | Nghiên cứu ứng dụng Aminoethoxyvinylglycine (AVG) trong bảo quản quả bơ sau thu hoạch                                                                                                                       | PGS.TS. Nguyễn Văn Toàn  |
| <b>III. NAFOSTED</b>       |                                                                                                                                                                                                             |                          |
| 1                          | Nghiên cứu đặc điểm, thành phần khoáng sét và mối quan hệ của nó với thành phần dung dịch đất phân bố ở vùng đồi núi miền Trung Việt nam                                                                    | TS. Nguyễn Hồ Lam        |
| 2                          | Nghiên cứu giải pháp chống chịu và phục hồi sinh kế của cộng đồng cư dân trước ảnh hưởng của sự cố Formosa 2016                                                                                             | PGS.TS. Trương Văn Tuyển |
| 3                          | Năng lực chống chịu biến đổi khí hậu của các cộng đồng dân tộc thiểu số ở vùng đồi núi Thừa Thiên Huế trong bối cảnh giảm tiếp cận tài nguyên rừng                                                          | PGS.TS. Lê Thị Hoa Sen   |
| <b>IV. CẤP TỈNH/ HUYỆN</b> |                                                                                                                                                                                                             |                          |
| 1                          | Nghiên cứu, phát triển và chế biến sản phẩm cây chè dây (Ra Zéh) trên địa bàn xã Tư, huyện Đông Giang                                                                                                       | TS. Nguyễn Hồ Lam        |
| 2                          | Nghiên cứu quy trình kỹ thuật sản xuất giống cá nâu ở khu vực Đầm phá Tam Giang, tỉnh Thừa Thiên Huế                                                                                                        | TS. Nguyễn Văn Huy       |
| 3                          | Nghiên cứu bảo tồn và phát triển vùng ớt xiêm Rừng tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi                                                                                                                        | ThS. Nguyễn Ngọc Truyền  |
| 4                          | Xây dựng mô hình trồng và chế biến sản phẩm sữa ngô nếp theo hướng nông nghiệp an toàn trên địa bàn thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam                                                                         | TS. Nguyễn Văn Đức       |
| 5                          | Xây dựng vùng chuyên canh sản xuất củ hành tím đạt tiêu                                                                                                                                                     | TS. Nguyễn Văn Đức và    |

|                           |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                           |
|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
|                           | chuẩn VietGAP tại xã Bình Hải, huyện Bình Sơn                                                                                                                                                                                                                        | Lê Đăng Khoa                              |
| 6                         | Nghiên cứu bảo tồn và phát triển ớt A Riêu phục vụ sản xuất hàng hóa tại huyện Đông Giang tỉnh Quảng Nam                                                                                                                                                             | Ông Nguyễn Tấn Tuấn và TS. Nguyễn Văn Đức |
| <b>V. CẤP ĐẠI HỌC HUẾ</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                           |
| 1                         | Ảnh hưởng của môi trường giết mổ đến sự ô nhiễm vi khuẩn E. coli gây ngộ độc thực phẩm trong thịt lợn và thịt bò tại một số cơ sở giết mổ tập trung ở Thừa Thiên Huế<br><b>Mã số: DHH2017-02-85</b>                                                                  | TS. Trần Quang Vui                        |
| 2                         | Thu thập bảo tồn và tuyển chọn một số giống lúa nếp năng suất, chất lượng cao phục vụ công tác chọn tạo giống tại miền Trung<br><b>Mã số: DHH2017-02-86</b>                                                                                                          | TS. Nguyễn Quang Cơ                       |
| 3                         | Nghiên cứu hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống in vitro cây Vanilla ( <i>Vanilla planifolia</i> ) ở Thừa Thiên Huế<br><b>Mã số: DHH2017-02-87</b>                                                                                                               | ThS. Trần Thị Triều Hà                    |
| 4                         | Nghiên cứu một số thông số công nghệ chiết xuất SOLASODINE từ cà gai leo ( <i>Solanum hainanense</i> Hance) và ứng dụng trong sản xuất nước uống đóng chai<br><b>Mã số: DHH2017-02-88</b>                                                                            | TS. Nguyễn Văn Huế                        |
| 5                         | Nghiên cứu thiết kế hệ thống tưới phun tự động trong nhà lưới ươm giống cây trồng Lâm nghiệp<br><b>Mã số: DHH2017-02-89.</b>                                                                                                                                         | TS. Khương Anh Sơn                        |
| 6                         | Nghiên cứu sản xuất giống và ương nuôi cá Chạch bùn ( <i>Misgurnus anguillicaudatus</i> Cantor, 1842) tại Thừa Thiên Huế<br><b>Mã số: DHH2017-02-90</b>                                                                                                              | ThS. Võ Đức Nghĩa                         |
| 7                         | Nghiên cứu giải pháp canh tác cây trầm gió ( <i>Melaleuca cajuputi</i> Powell) và phương pháp cải tiến công nghệ sản xuất tinh dầu trầm tại xã Quảng Lợi, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế<br><b>Mã số: DHH2017-02-91</b>                                       | ThS. Châu Thị Thanh                       |
| 8                         | Nghiên cứu kỹ thuật nhân giống và trồng rừng loài Xoay ( <i>Dialium cochinchensis</i> Piere) ở huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế<br><b>Mã số: DHH2017-02-92</b>                                                                                                    | ThS. Hồng Bích Ngọc                       |
| 9                         | Nghiên cứu thực trạng tham vấn cộng đồng trong quá trình thực hiện một số chính sách đất đai trên địa bàn huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị<br><b>Mã số: DHH2017-02-93</b>                                                                                             | ThS. Trần Trọng Tấn                       |
| 10                        | Nghiên cứu chuỗi giá trị và xây dựng nhãn hiệu hàng hóa cho sản phẩm Ném ở vùng cát trong tái cơ cấu nông nghiệp của Thừa Thiên Huế<br><b>Mã số: DHH2017-02-94</b>                                                                                                   | TS. Nguyễn Việt Tuấn                      |
| 11                        | Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân nuôi ong ký sinh ( <i>Anagyrus lopezi</i> De Santis, 1964) trừ rệp sáp bột hồng hại sắn ( <i>Phenacoccus manihoti</i> Matile-Ferrero, 1977) trong điều kiện phòng thí nghiệm ở tỉnh Thừa Thiên Huế<br><b>Mã số: DHH2017-02-95</b> | ThS. Hoàng Hữu Tình                       |

|    |                                                                                                                                                                                                                         |                         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|
| 12 | Nghiên cứu tuyển chọn giống đậu tương chịu hạn, ngắn ngày, năng suất cao phục vụ chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng ứng phó với thời tiết hạn hán ở vùng Bắc miền Trung<br><b>Mã số: DHH2017-02-96</b>                   | TS. Nguyễn Hồ Lam       |
| 13 | Nghiên cứu ảnh hưởng của 1-methylcyclopropene (1-MCP) kết hợp với nhiệt độ thấp đến sinh tổng hợp ethylene trong quá trình bảo quản bơ sau thu hoạch<br><b>Mã số: DHH2017-02-97</b>                                     | TS. Nguyễn Văn Toàn     |
| 14 | Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sau thu hoạch để đa dạng hóa sản phẩm từ trái vả ( <i>Ficus auriculata</i> Lour) tại Thừa Thiên Huế<br><b>Mã số: DHH2017-02-98</b>                                                        | TS. Võ Văn Quốc Bảo     |
| 15 | Ảnh hưởng của việc bổ sung chế phẩm từ củ nén ( <i>Allium schoenoprasum</i> ) và củ gừng ( <i>Zingiber officinale</i> ) đến sinh trưởng và phòng hội chứng hô hấp, tiêu chảy của gà thịt<br><b>Mã số: DHH2018-02-99</b> | TS. Phan Vũ Hải         |
| 16 | Nghiên cứu nhân giống nấm dược liệu Vân chi ( <i>Trametes versicolor</i> (Linnaeus :Fries) Pilat) cung cấp cho khu vực miền Trung<br><b>Mã số: DHH2018-02-100</b>                                                       | TS. Vũ Tuấn Minh        |
| 17 | Nghiên cứu đặc điểm nông sinh học cây địa liên ( <i>Kaempferia galangal</i> ) và xây dựng quy trình kỹ thuật sản xuất tại Thừa Thiên Huế<br><b>Mã số: DHH2018-02-101</b>                                                | PGS.TS. Nguyễn Đình Thi |
| 18 | Nghiên cứu sản xuất chế phẩm nano bạc có bổ sung chitosan nhằm ứng dụng bảo quản quả quýt Hương Cắn tại Thừa Thiên Huế<br><b>Mã số: DHH2018-02-102</b>                                                                  | TS. Võ Văn Quốc Bảo     |
| 19 | Thiết lập bản đồ dự báo chất lượng nước cho nuôi trồng thủy sản ở đầm phá Tam Giang – Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên Huế<br><b>Mã số: DHH2018-02-103</b>                                                                      | ThS. Trương Văn Đàn     |
| 20 | Thử nghiệm sản xuất giống cá Bống bóp ( <i>Bostrichthys sinensis</i> , Lacepède, 1801) ở Thừa Thiên Huế<br><b>Mã số: DHH2018-02-104</b>                                                                                 | TS. Nguyễn Văn Huy      |
| 21 | Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển rừng trồng các loài keo theo hướng kinh doanh gỗ lớn ở tỉnh Quảng Trị<br><b>Mã số: DHH2018-02-105</b>                                                               | ThS. Trần Thị Thúy Hằng |
| 22 | Đánh giá phân bố và tình trạng hiện nay của các loài cu li ( <i>Nycticebus</i> spp.) và các loài khỉ ( <i>Macaca</i> spp.) ở khu vực Bắc Trung Bộ của Việt Nam<br><b>Mã số: DHH2018-02-106</b>                          | TS. Nguyễn Văn Minh     |
| 23 | Ứng dụng viễn thám kết hợp với thiết bị bay không người lái thành lập bản đồ phân vùng nước tưới cho diện tích đất trồng lúa ở huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng<br><b>Mã số: DHH2018-02-107</b>                        | ThS. Trần Thị Phụng     |
| 24 | Nghiên cứu giải pháp phục hồi sinh kế của ngư dân khai thác thủy sản gần bờ tại tỉnh Thừa Thiên Huế sau sự cố ô nhiễm môi trường biển năm 2016.<br><b>Mã số: DHH2018-02-108</b>                                         | ThS. Nguyễn Ngọc Truyền |

|    |                                                                                                                                                                                                                                          |                                 |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
| 25 | Quy trình chế tạo hệ vật liệu nano tổ hợp mang kháng sinh có khả năng kháng vi khuẩn <i>Vibrio parahaemolyticus</i> gây bệnh hoại tử gan tụy cấp trên tôm thẻ chân trắng ( <i>Litopenaeus vannamei</i> )<br><b>Mã số: DHH2018-02-109</b> | ThS. Lê Thị Kim Anh             |
| 26 | Nghiên cứu đánh giá hiệu quả mô hình trồng xen gừng và dứa trong vườn cao su kiến thiết cơ bản ở Thừa Thiên Huế.<br><b>Mã số: DHH2018-02-110</b>                                                                                         | ThS. Trần Phương Đông           |
| 27 | Nghiên cứu vai trò và tính bền vững của các tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp trong xây dựng nông thôn mới ở tỉnh Thừa Thiên Huế<br><b>Mã số: DHH2018-02-111</b>                                                                           | TS. Trương Quang Hoàng          |
| 28 | Đánh giá thực trạng và đề xuất hướng sử dụng bền vững đất ngập nước tại huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam<br><b>Mã số: DHH2018-02-112</b>                                                                                                  | PGS.TS. Nguyễn Hoàng Khánh Linh |

**KẾT QUẢ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ**  
**RESULTS OF TECHNOLOGY TRANSFER**

| TT          | TÊN SẢN PHẨM                                                                                                                                                                                         | TÊN TÁC GIẢ             | ĐƠN VỊ<br>LIÊN KẾT                                                | GIÁ TRỊ              |
|-------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 1           | Đề tài chuyển giao tại huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế <i>(01 quy trình)</i>                                                                                                                    | Nguyễn Thị Kim Anh      | UBND huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế                         | 50.340.000           |
| 2           | Chuyển giao quy trình chăn nuôi bò <i>(01 quy trình)</i>                                                                                                                                             | PGS. TS. Nguyễn Xuân Bả | Tỉnh Quảng Ngãi                                                   | 40.728.600           |
| 3           | Chuyển giao quy trình chăn nuôi bò <i>(01 quy trình)</i>                                                                                                                                             | PGS. TS. Nguyễn Xuân Bả | Tỉnh Quảng Trị                                                    | 75.000.000           |
| 4           | Quy trình trồng hoa cúc sử dụng công nghệ đèn LED <i>(01 quy trình và mô hình)</i>                                                                                                                   | ThS. Trần Nguyên Thảo   | UBND huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế                         | 53.970.000           |
| 5           | Chuyển giao công nghệ và thiết bị lò đốt sản xuất than sinh học phục vụ <i>(Công nghệ và thiết bị lò đốt sản xuất than sinh học)</i>                                                                 | ThS. Phạm Xuân Phương   | TT Tư vấn và Chuyển giao công nghệ cấp nước và vệ sinh môi trường | 750.000.000          |
| 6           | Ứng dụng khoa học công nghệ để bảo quản dược liệu, chế biến trà túi lọc (Dây thìa canh, Cà gai leo) và tiêu thụ theo chuỗi giá trị tại huyện Con Cuông, tỉnh Nghệ An <i>(05 quy trình công nghệ)</i> | ThS. Trần Ngọc Khiêm    | Công ty CP Dịch vụ KH – CN Nông nghiệp Thành An                   | 160.000.000          |
| <b>Tổng</b> |                                                                                                                                                                                                      |                         |                                                                   | <b>1.130.038.600</b> |

Đơn vị tính: đồng

**DANH MỤC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN HỢP TÁC QUỐC TẾ**  
**LIST OF INTERNATIONAL COOPERATION PROJECTS**

| TT | TÊN ĐỀ TÀI/ DỰ ÁN                                                                                                                                                        | CHỦ TRÌ                    | KINH PHÍ | HOÀN THÀNH |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|----------|------------|
| 1  | Nâng cao sức sản xuất bền vững và hiệu quả của các nông hộ chăn nuôi bò ở miền Trung Việt Nam - LPS/2012/062                                                             | PGS.TS. Nguyễn Xuân Bả     | 999.580  | 2018       |
| 2  | Sustain development of chitosan superabsobent hydrogels as alternative growth media of vegetable seedlings in drought conditions                                         | ThS. Dương Văn Hậu         | 15.000   | 2018       |
| 3  | Nâng cao năng lực nghiên cứu và đổi mới ở Việt Nam                                                                                                                       | PGS.TS. Lê Văn An          | 94.075   | 2018       |
| 4  | Rủi ro đến sức khỏe cộng đồng do vi khuẩn <i>Streptococcus</i> nhóm B trong nuôi trồng thủy sản tại các nước Đông Nam Á                                                  | TS. Nguyễn Ngọc Phước      | 32.038   | 2018       |
| 5  | Nâng cao năng lực thích ứng với biến đổi khí hậu cho nông hộ vùng cao ở vùng Bắc Trung Bộ, Việt Nam                                                                      | ThS. Lê Văn Nam            | 15.000   | 2018       |
| 6  | Newton Fund Institutional Links – Avoided forest degredation in central Vietnam                                                                                          | PGS.TS. Lê Văn An          | 34.455   | 2018       |
| 7  | Nâng cao năng lực nghiên cứu và đổi mới về biến đổi khí hậu ở Campuchia, Lào và Việt Nam                                                                                 | PGS.TS. Lê Văn An          | 86.630   | 2019       |
| 8  | Quản lý tổng hợp đất, nước và dinh dưỡng đối với hệ thống nông nghiệp bền vững ở vùng duyên hải Nam Trung bộ Việt Nam và Ôt-xtrây-lia                                    | PGS.TS. Hoàng Thị Thái Hòa | 31.250   | 2019       |
| 9  | Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ tuân thủ những yêu cầu về gỗ hợp pháp để tham gia hiệu quả vào chuỗi cung ứng gỗ hợp pháp trong nước và quốc tế                              | TS. Trương Quang Hoàng     | 119.757  | 2019       |
| 10 | Giảm phân biệt đối xử và tăng cường sự tham gia của trẻ em và thanh thiếu niên đồng tính, song tính và chuyển giới (LGBT)                                                | TS. Trương Quang Hoàng     | 14.896   | 2019       |
| 11 | Canh tác nông nghiệp bền vững                                                                                                                                            | PGS.TS. Lê Văn An          | 88.740   | 2020       |
| 12 | Tăng cường năng lực các tổ chức xã hội về Quản trị quyền trẻ em                                                                                                          | TS. Trương Quang Hoàng     | 256.293  | 2021       |
| 13 | Đánh giá bản chất của quá trình chuyển đổi rừng ở Việt Nam, dịch vụ sinh thái và khả năng phục hồi sinh thái xã hội trong các cảnh quan rừng được quản lý tại địa phương | PGS.TS. Lê Văn An          | 129.023  | 2023       |

Đơn vị tính: USD

**CÁC NHÓM NGHIÊN CỨU MẠNH ĐƯỢC ĐẠI HỌC HUẾ CÔNG NHẬN**  
**STRONG RESEARCH GROUPS RECOGNIZED BY HUE UNIVERSITY**

| TT | TÊN NHÓM NGHIÊN CỨU                                                                                                                                                                   | TRƯỞNG NHÓM              |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 1  | Môi trường và chất lượng sản phẩm chăn nuôi                                                                                                                                           | GS.TS. Lê Đức Ngoan      |
| 2  | Liên kết giữa năng lực chống chịu tham gia thị trường và chuyển đổi sinh kế của người dân trước sự cố bất lợi về kinh tế, xã hội, và môi trường của vùng ven biển miền Trung Việt Nam | PGS.TS. Trương Văn Tuyền |
| 3  | Nghiên cứu ứng dụng sản phẩm hữu cơ, sinh học sản xuất nông nghiệp an toàn trong điều kiện biến đổi khí hậu                                                                           | GS.TS. Trần Đăng Hòa     |

**DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT, HỢP TÁC**  
**CO-OPERATIVE AND AFFILIATED PROGRAMS**

| TT                                   | TÊN ĐƠN VỊ/ CHƯƠNG TRÌNH                                                                        | TÓM TẮT NỘI DUNG                                                                                                                                                      |
|--------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I. Liên kết đào tạo bậc Đại học      |                                                                                                 |                                                                                                                                                                       |
| 1                                    | Công ty cổ phần GreenFeed, Việt Nam                                                             | Đào tạo sinh viên và nghiên cứu khoa học ngành Chăn nuôi và Thú y<br><br>Đào tạo sinh viên ngành Nuôi trồng thủy sản, Bệnh học thủy sản và Quản lý nguồn lợi thủy sản |
| 2                                    | Công ty cổ phần thực phẩm BIM                                                                   |                                                                                                                                                                       |
| 3                                    | Công ty TNHH Huy Long An – Sóc Trăng                                                            |                                                                                                                                                                       |
| 4                                    | Công ty cổ phần Thủy sản Trung Sơn - Kiên Giang                                                 |                                                                                                                                                                       |
| II. Liên kết đào tạo bậc Sau đại học |                                                                                                 |                                                                                                                                                                       |
| 1                                    | Phân hiệu đại học Huế tại Quảng Trị                                                             | Phối hợp tổ chức giảng dạy và quản lý 2 lớp cao học khóa 23 tại Quảng Trị                                                                                             |
| 2                                    | Chương Trình Mekarn II – Hà Lan                                                                 | Đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Chăn nuôi cho các nghiên cứu sinh đến từ Lào, Campuchia và Việt Nam (7 NCS từ Lào, 1 Campuchia, 2 Việt Nam).                             |
| 3                                    | Chương trình giữa Đại học Lausanne (UNIL)-Thụy Sĩ và Viện Tài nguyên và môi trường, Đại học Huế | Hỗ trợ nâng cao năng lực thông qua chương trình đào tạo tiến sĩ và thạc sĩ cho chuyên ngành Lâm học và Lâm sinh                                                       |
| III. Liên kết, hợp tác quốc tế       |                                                                                                 |                                                                                                                                                                       |
| 1                                    | Đại học Shimane, Nhật Bản                                                                       | Trao đổi sinh viên, cán bộ giảng viên, nghiên cứu giáo dục, văn hóa và học thuật                                                                                      |
| 2                                    | Đại học Khoa học và Kỹ thuật quốc gia Pingtung, Đài Loan                                        |                                                                                                                                                                       |
| 3                                    | Đại học Hải Dương Đài Loan                                                                      | Trao học bổng cho sinh viên; Trao đổi cán bộ giảng viên, sinh viên; Đồng tổ chức các chương trình trao đổi học thuật                                                  |
| 4                                    | Tổ chức Landbrugets Jobservice ApS, Đan Mạch                                                    | Đưa sinh viên sang thực tập sinh tại Đan Mạch                                                                                                                         |
| 5                                    | Đại học Kyoto, Nhật Bản                                                                         | Trao đổi sinh viên, cán bộ giảng viên trong đào tạo và nghiên cứu                                                                                                     |

**CÁC ĐƠN VỊ HỢP TÁC TRAO HỌC BỔNG, DẠY CÁC KỸ NĂNG MỀM CHO SINH VIÊN**  
**SCHOLARSHIPS FOR STUDENTS FUNDED BY SPONSORS, ENTERPRISES**



**QUỸ HỌC BỔNG**  
**NGUYỄN TRƯỜNG TỘ**

**QUỸ HỌC BỔNG**  
**PHỤC FOND**

**QUỸ HỌC BỔNG**  
**HAPPEL**

**VietHope**

**CÁC ĐƠN VỊ HỢP TÁC ĐƯA SINH VIÊN ĐANG HỌC VÀ TỐT NGHIỆP CỦA TRƯỜNG**  
**SANG THỰC TẬP SINH**  
**INTERNSHIPS FOR STUDENTS SUPPORTED BY ENTERPRISES**



**HAI PHONG**  
Tương lai cho bạn



**ĐƠN VỊ THAM GIA TÀI TRỢ CHƯƠNG TRÌNH XE ĐƯA SV VỀ TẾT MIỄN PHÍ**  
**SPONSORS GIVING FREE VEHICLES TO STUDENTS ON TET HOLIDAY**



**HAI PHONG**  
Tương lai cho bạn



**HỘI CỰU CHIẾN BINH**  
**TRƯỜNG ĐHNH HUẾ**



**HỘI CỰU SINH VIÊN CNTY**  
**KHU VỰC PHÍA NAM**

**CÁC ĐƠN VỊ THAM GIA NGÀY HỘI VIỆC LÀM, PHÒNG VẤN TUYỂN DỤNG  
SINH VIÊN TỐT NGHIỆP, TỔ CHỨC ĐỊNH HƯỚNG NGHỀ  
POTENTIAL ENTERPRISES IN JOB FAIRS**

**SÁCH, GIÁO TRÌNH XUẤT BẢN 2018  
BOOKS, TEXTBOOKS WERE PUBLISHED IN 2018**

| TT | TÊN SÁCH/ GIÁO TRÌNH                             | TÁC GIẢ                                                                                                                                                 |
|----|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Hướng dẫn quy trình, thao tác PCR                | Hồ Lê Quỳnh Châu (Chủ biên), Bùi Thị Hiền                                                                                                               |
| 2  | Bệnh Cây                                         | Lê Như Cương (Chủ biên), Nguyễn Vĩnh Trường, Trần Thị Thu Hà, Nguyễn Thị Thu Thủy, Trương Thị Diệu Hạnh, Trần Thị Nga                                   |
| 3  | Sâu bệnh hại cây trồng                           | Trần Đăng Hòa (Chủ biên), Lê Như Cương (Chủ biên), Nguyễn Thị Giang, Phan Văn Nhân, Nguyễn Thu Trang                                                    |
| 4  | Bệnh học thủy sản                                | Nguyễn Ngọc Phước (Chủ biên), Trương Thị Hoa, Nguyễn Đức Quỳnh Anh, Võ Đức Nghĩa, Lê Văn Bảo Duy, Nguyễn Thị Huế Linh                                   |
| 5  | Công nghệ sản xuất giống cây trồng               | Lê Tiến Dũng (Chủ biên), Trần Thị Thu Giang, Nguyễn Tiến Long, Lê Như Cương, Phan Thị Phương Nhi                                                        |
| 6  | Đất và Phân bón                                  | Hoàng Thị Thái Hòa (Chủ biên), Lê Thanh Bồn (Chủ biên), Lê Thiên Vinh, Trương Thị Ly Na                                                                 |
| 7  | Giáo trình Thụ tinh nhân tạo cho gia súc         | Lê Văn Phước (Chủ biên), Phan Vũ Hải, Hoàng Trung Thành, Trần Thị Quỳnh Trang                                                                           |
| 8  | Giáo trình Thú y cơ bản                          | Lê Văn Phước (Chủ biên), Hoàng Thị Như Hằng, Văn Thị Hoàng Oanh                                                                                         |
| 9  | Giáo trình Kỹ thuật nuôi cá nước ngọt            | Nguyễn Duy Quỳnh Trâm (Chủ biên), Tôn Thất Chất (Chủ biên), Trần Vĩnh Thắng, Phan Thị Mỹ Nhung                                                          |
| 10 | Giáo trình Kỹ thuật trồng nấm                    | Trần Đăng Hòa (Chủ biên), Nguyễn Đình Thi (Chủ biên), Trương Thị Ly Na, Hoàng Trung Thông, Hồ Thị Hải                                                   |
| 11 | Giáo trình Phân tích Hóa sinh - Sinh lý thực vật | Nguyễn Đình Thi (Chủ biên), Trần Thị Lệ (Chủ biên), Trần Thị Hương Sen, Nguyễn Thị Bích Thu, Trương Thị Hồng Phương                                     |
| 12 | Giáo trình Kỹ thuật vườn ươm cây Lâm nghiệp      | Trần Minh Đức (Chủ biên), Trần Nam Thắng, Lê Thái Hùng, Nguyễn Hoi, Ngô Tùng Đức, Lê Thiên Vinh, Hoàng Trung Thông, Hồ Đăng Nguyên                      |
| 13 | Giáo trình trồng rừng                            | Trần Nam Thắng (Chủ biên), Trần Minh Đức, Lê Thái Hùng, Nguyễn Hoi, Lê Thiên Vinh, Ngô Tùng Đức, Hoàng Trung Thông, Nguyễn Thị Bích Thu, Hồ Đăng Nguyên |



|    |                                                                                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                    |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 14 | Kỹ thuật nuôi thức ăn tự nhiên trong nuôi trồng thủy sản                                                                                                                                                                              | Mạc Như Bình (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Thủy                                                                                     |
| 15 | Phân tích đất và phân bón                                                                                                                                                                                                             | Hoàng Thị Thái Hòa (Chủ biên), Nguyễn Thị Bích Thu, Trương Thị Hồng Phương                                                         |
| 16 | Bệnh hại cây trồng Việt Nam                                                                                                                                                                                                           | Vũ Triệu Mân (Chủ biên), Nguyễn Văn Tuất (Chủ biên), Bùi Cách Tuyến (Chủ biên), Phạm Văn Kim (Chủ biên), Nguyễn Vĩnh Trường        |
| 17 | Farmers' responses to VietGAP: a case study of a policy mechanism for transforming the traditional agri-food system in Vietnam                                                                                                        | Hoàng Gia Hùng (Chủ biên)                                                                                                          |
| 18 | Handbook of Monitoring, Reporting, and Verification for a Greenhouse Gas Mitigation Project with Water Management in Irrigated Rice Paddies                                                                                           | Kazunori Minamikawa (Chủ biên), Takayoshi Yamaguchi, Takeshi Tokida, Shigeto Sudo, Kazuyuki Yagi, Agnes Tirol-Padre, Trần Đăng Hòa |
| 19 | Kỹ thuật trồng, chăm sóc và chế biến cà phê                                                                                                                                                                                           | Nguyễn Hồ Lam (Chủ biên), Nguyễn Quốc Sinh, Hồ Ngọc Mẫn, Huỳnh Thị Thu Hà                                                          |
| 20 | Nutritional Strategies to Reduce Emissions from Waste in Pig production Mathew, A. (ed.), Achieving sustainable production of pig meat Volume 1: Safety, quality and sustainability, Burleigh Dodds Science Publishing, Cambridge, UK | Lê Đình Phùng, Andre' Aarnink                                                                                                      |
| 21 | Quản lý và sử dụng đất nghĩa trang, nghĩa địa tại một số tỉnh Bắc Trung bộ                                                                                                                                                            | Nguyễn Hữu Ngữ (Chủ biên), Trương Đỗ Minh Phượng, Dương Tổ Trinh, Dương Đệ Phương, Thân Văn Quý                                    |
| 22 | Tài liệu Hướng dẫn vận hành trại cá nước ngọt                                                                                                                                                                                         | Nguyễn Duy Quỳnh Trâm (Chủ biên), Tôn Thất Chất (Chủ biên), Nguyễn Khoa Huy Sơn, Trần Vĩnh Thắng, Phan Thị Mỹ Nhung                |
| 23 | Detecting and Modeling the Changes of Land Use and Land Cover for Land Use Planning in Da Nang City, Vietnam                                                                                                                          | Nguyễn Hoàng Khánh Linh                                                                                                            |





**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM, ĐẠI HỌC HUẾ**  
**UNIVERSITY OF AGRICULTURE AND FORESTRY, HUE UNIVERSITY**

**102 Phùng Hưng, phường Thuận Thành, thành phố Huế**  
**Điện thoại: +84 234.522535; Email: [admin@huaf.edu.vn](mailto:admin@huaf.edu.vn)**  
**Website: <https://huaf.edu.vn>**